

Phần II

Cuộc Đời Và Các Thư Thánh Phaolô

- ❖ *Các nguồn văn*
- ❖ *Cuộc đời thánh Phaolô*
- ❖ *Những cuộc hành trình*
- ❖ *Các thư thánh Phaolô*

CÁC NGUỒN VĂN

Các thư Phaolô và sách Công vụ các tông đồ là hai nguồn văn cho biết con người thánh nhân và công trình của ngài.

- **Các thư:** Các nhà chú giải cùng đồng ý cho thánh Phaolô tác giả 7 lá thư (Rôma, 1 và 2 Côrintô, Galát, Philípphê, 1Thêxalônica và Philêmon). Họ rất ý tứ đối với thư thứ 2Thêxalônica và thư gửi Côlôxê. Họ hoàn toàn bác bỏ ý tưởng cho thánh Phaolô là tác giả thư gửi Êphêxô. Các thư mục vụ (1 và 2Timôthê, thư gửi Titô) đến từ một tác giả mạo danh Phaolô. Những lá thư trước hết là những văn bản đưa lên một cái nhìn về giáo thuyết, đạo đức và phụng vụ, nhưng đưa ra rất nhiều chi tiết những nơi Phaolô đi qua, niên biểu các biến cố thánh Phaolô đã sống qua, hay đồng thời với những dữ kiện lịch sử chung. Các thư như nguồn văn chính để tiếp cận tư tưởng và niên biểu thánh Phaolô.

- Sách Công vụ các tông đồ: trong tác phẩm, tác giả Luca trình bày một phần quan trọng về thánh Phaolô hoạt động truyền giáo. Tác giả biên soạn tác phẩm vào khoảng năm 80, tức là khoảng 15 năm sau khi Phaolô qua đời. Sách Công vụ các tông đồ nêu lên nhiều câu hỏi:

- Không nói đến những biến cố quan trọng (trong các thư có nói đến), như việc thành lập các cộng đoàn hay việc tranh luận giữa thánh nhân với những cộng đoàn hay với những nhân vật.

- Các diễn từ rất ngắn được đặt vào môi miệng một số nhân vật nêu lên rắc rối. Người ta biết các tác giả cổ thường hay làm như thế chứ không phải những lời ghi chép, hay những ký ức mang lại. Với những điều nêu lên không làm tác phẩm giảm giá trị tài liệu,

nhất là những diễn từ truyền giáo, ví dụ như diễn từ cho các kỳ mục thành Êphêxô.

- Kitô giáo sơ khai nhấn mạnh những dạng thái huyền diệu, thích đưa ra nhiều phép lạ. Tác giả sách Công vụ các tông đồ không thoát khỏi qui luật đó. Những phép lạ nêu ra mang khuôn mặt những biến cố được chứng nhận nơi những nơi khác.

- Người đọc gặp những điều khó tin hay không hòa hợp trong đó. Tác giả không biết thánh Phaolô và những điều thánh nhân sống, vì thế ông có nhiều thiếu sót trong tác phẩm.

Với những điều trên, dầu sao sách Công vụ các tông đồ luôn giữ một giá trị lịch sử thực thụ. Các sử gia thấy trong đó nhiều điều xác định, cho dù họ vẫn giữ tinh thần phê phán.

Những bản thảo cổ nhất về thánh Phaolô

Giống như những văn bản Cổ đại, sách Công vụ tông đồ và các thư thánh Phaolô ngày nay chỉ còn những bản được chép lại, chứ không có những nguyên bản. Người ta cũng khám phá ra hai bản dịch cho sách Công vụ tông đồ với những dị biệt, vì thế câu hỏi về nguồn văn gốc càng thêm rắc rối hơn.

Giữa năm 200 đến đến 250 công nguyên: những mảnh bản thảo cổ nhất về các thư thánh Phaolô được tìm thấy vào năm 1930 bên Ai Cập giữa mười một giấy côi về Kinh thánh. Một bộ văn bản (codex) chứa đựng bốn Tin mừng và sách Công vụ tông đồ; còn bộ văn bản khác chứa các thánh thư. Những văn bản nêu trên hiện lưu giữ tại bộ sưu tập Chester Beatty được giữ tại Đại học Michigan bên Hoa Kỳ.

Khoảng năm 325-350 có một bản chép trên giấy cói được tìm thấy có sách Công vụ và các thánh thư trong bộ văn bản Vaticanus (codex Vaticanus), viết bằng tiếng Hy Lạp loại chữ hoa. Hiện đang được lưu giữ tại Vatican.

Khoảng năm 330-350: Bộ văn bản Sinaiticus (codex Sinaiticus) cùng thể loại như trên được cất giữ tại tu viện Chính Thống giáo thánh Catherine trên núi Sinai. Bộ văn bản có toàn bộ Tân ước.

Thế kỷ thứ V: Bộ văn bản Alexandrinus (codex Alexandrinus) đang được lưu giữ tại British Library ở thành Londres. Bộ văn bản cũng giống như những bản nói trên, nhưng phẩm chất kém hơn.

CUỘC ĐỜI THÁNH PHAOLÔ

Một công dân thế giới

Thánh Phaolô sinh vào năm nào? Bình thường các học giả đặt Phaolô sinh ra vào khoảng năm thứ 5 công nguyên. Ngài trẻ hơn Đức Giêsu khoảng 12 tuổi. Hai người rất có thể chỉ thấy nhau trên nẻo đường nào đó tại thành Giêrusalem trước năm 30, trong đám đông thường lên Đền thánh dịp lễ Vượt Qua...

Phaolô: người mang trong tâm hồn hai nền văn hóa

Trong thời Cổ đại, căn cước con người được nhìn đến từ ba yếu tố: phái tính, gia phả và địa lý. Sinh ra làm đàn ông đương nhiên được quyền đi học, nhưng còn phải thuộc gia đình khá giả, tự do và không phải nô lệ. Ngoài ra người đàn ông còn phải thuộc dân thị thành, vì tại thành phố mới có các trường học và trao đổi văn hóa. Với những điều trên, người đó còn phải được ông bố muốn cho con mình đi học nữa. Với quá nhiều cái “nếu”, cho nên chỉ có một thiểu số người trong đế quốc La Mã thời bấy giờ mới

được gửi đi học. Tỷ số người Do Thái được đi học cao hơn một chút, vì gia đình Do Thái giáo muốn dạy con mình hiểu biết về Lễ Luật.

Nếu muốn thuộc thành phần học thức phải có nhiều điều kiện: cha mẹ có tiền, môi trường thuận lợi, sinh ra thuộc phái nam như thuộc phái tính tốt. Phaolô nằm trong số người được đi học. Ngài thuộc dân thành phố, sinh ra và có quốc tịch La Mã, thuộc thành phần Phariseu, có căn bản trí thức vững vàng và sâu rộng. Phaolô mang hai dòng văn hóa Do Thái và La Mã, và thuộc công dân thế giới. Trong thế kỷ thứ nhất ở Âu châu, chỉ có thêm hai người khác nổi tiếng mang hai dòng văn hóa: Ông Philon thành Alexandria, một triết gia muốn đề ra những công thức đức tin Do Thái giáo theo tư tưởng Hy Lạp; người thứ hai là sử gia Do Thái Flavius Joseph. Tác giả một số sách đồ sộ, muốn kể cho người La Mã lịch sử dân Do Thái từ khi thế giới được tạo dựng cho đến khi thành Giêrusalem bị thất thủ vào năm 70.

Tácxô: thành phố - ngã ba đường

Công vụ Tông đồ nêu lên 3 lần điều Phaolô sinh ra ở thành Tácxô. Trong cuộc đối thoại với ông Ananiass, trong trình thuật thứ nhất về cuộc trở lại. Thiên Chúa phán với ông đặt tay cho *“một người tên là Saolô quê ở Tácxô”* (9,11). Chính Phaolô cũng tự nói cho viên chỉ huy đến bắt ngài: *“Tôi là người Do Thái, quê ở Tácxô, miền Kilikia”* (21,39); rồi ngay sau đó trước đám người Do Thái tại Giêrusalem: *“Tôi là người Do Thái, sinh ở Tácxô, miền Kilikia”* (22,3).

Phaolô sinh ra tại Tácxô, một thành phố xứ Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, thuộc vùng Kilikia, nằm giữa Địa Trung Hải ở phía nam và ở phía bắc có dãy núi Taurus. Một thành phố nằm ở ngã ba trục

giao thông đi từ thành Babylone về thành Êphêxô, hay từ Ai Cập qua biển Hắc Hải (Biển Đen). Thành phố ngã ba với 100.000 dân, mở ra cho giao thông buôn bán, trao đổi, gặp gỡ, trộn lẫn những tư tưởng tôn giáo. Vì vậy thời đế quốc La Mã, Tácxô phát triển rất mạnh về kinh tế và văn hóa. Phaolô cũng xác nhận khi tự giới thiệu: *“Tôi là người Do Thái, quê ở Tácxô, miền Kilikia, công dân một thành không phải là không có tiếng tăm”* (Cv 21,39).

Khi nói đến thành Tácxô, người ta không quên ông Cicéron làm tổng trấn và nổi tiếng hùng biện đại tài. Tácxô, nơi hoàng đế Antôn gặp gỡ hoàng hậu Cléopâtre. Người dân Tácxô luôn hướng lòng về phía thành Rôma bên Âu châu, thủ đô đế quốc La Mã, nơi có nhiều đường xá di chuyển hàng hóa buôn bán. Sau này Phaolô đi truyền giáo cũng đã chọn lựa chiến lược rao giảng Tin mừng nhắm vào các thành phố về phía mạn Tây: Antiôkhia, Ephêxô, Philipphê, Côrintô và Rôma. Khi về với thành phố, Phaolô thật sự thoải mái như sinh sống trên phần đất quen thuộc.

Một số lớn các nhà chú giải chấp nhận Phaolô sinh ra ở thành Tácxô, nhưng ngày nay có một số học giả đặt lại vấn đề vì khoảng 25 năm đầu trong cuộc đời Phaolô, không có nhiều tài liệu ghi lại. Vào thế kỷ thứ IV, giáo phụ Jérôme viết như sau: *“cha mẹ Phaolô thuộc gốc miền Gischala, xứ Giuđêa, và khi khắp xứ bị quân La Mã đánh phá, và người Do Thái bị đưa lưu đầy khắp thế giới, họ thấy qua sông tại thành Tác xô, miền Cilicie. Phaolô, còn rất trẻ, đã đi theo cha mẹ”*. Phaolô, một em bé nếm mùi cuộc sống lưu đầy? Qua chứng từ giáo phụ Jérôme, điều rất có thể xảy ra.

Học vấn. Tácxô có hệ thống giáo dục nổi tiếng. Trong đế quốc La Mã hồi thế kỷ I, hệ thống giáo dục gồm ba phần: cấp 1 gồm có thể dục, âm nhạc, tập đọc và tập viết; sang cấp 2 được trau dồi

thêm văn phạm, thuật hùng biện để học nói giỏi, nói hay và học viết văn, phép biện chứng tức tập suy nghĩ chín chắn và cuối cùng còn thêm toán học. Cấp ba cao nhất, gồm có những trường triết lý. Tác xô nổi tiếng có những trường triết lý theo phái Khắc Kỷ. Một học phái kiêm chế dục vọng, chủ trương kẻ khôn ngoan trí giả phải vô tình, không để tình cảm khổ lạc ảnh hưởng, hơn nữa phải tự nguyện tuân phục luật tự nhiên. Triết lý thời bấy giờ được coi như môn học quan trọng nhất.

Phaolô được đào tạo cho đến hết cấp hai, trong một trường Do Thái hầu tránh ảnh hưởng dân ngoại. Nhưng Phaolô suy nghĩ và viết bằng tiếng Hy Lạp, trở thành một nhà văn với lối hành văn cô đọng, mang nhiều hình thức, linh động như chính con người ngài. Lối hành văn không nặng nề và cũng không tầm thường. Tại sao Phaolô lại chọn viết bằng tiếng Hy Lạp thay vì tiếng mẹ đẻ Aram? Như Anh ngữ ngày nay, tiếng Hy Lạp thuộc ngôn ngữ phổ thông, nhưng còn nói lên ý chí Phaolô muốn đưa Tin mừng đi vào thứ ngôn ngữ ai cũng biết, cũng hiểu, hơn thứ tiếng địa phương chỉ dành riêng cho người Do Thái.

Phaolô thông lâu thuật hùng biện học ở trường, khi gặp khó khăn với dân thành Côrintô, lý luận rất vững và dùng ngôn từ chính xác. Phaolô không rao giảng mâu nhiệm Thiên Chúa “*với lời lẽ hùng hồn và triết lý cao siêu, và chẳng dùng lời lẽ khôn khéo hấp dẫn*” (1Cr 2,1.4). Ngài có ý tránh cách dùng những điển từ hoa hòe theo thời trang, thời thượng, lấy hình thức quan trọng hơn nội dung.

Cách thức Phaolô luận chứng đặc biệt, cô đọng, chặt chẽ, đến nỗi người ta tự hỏi những người nhận thư có hiểu Phaolô viết gì hay không. Hay họ phải nặn óc và tìm hiểu xem ngài muốn nói gì.

Tuy nhiên, khi viết gửi cho một giáo đoàn, bình thường có người mang thư đến (một người thân cận với tác giả); sau đó họ đọc thư và giải thích ngay tại chỗ, và đôi lúc người đưa thư còn nói thêm điều tác giả không muốn viết trong thư. Thư gửi giáo đoàn Rôma cho biết một người đàn bà tên Phêbê (*Rm 16,1*) đưa lá thư thánh nhân gửi cộng đoàn.

Nhờ theo học tại thành Tácxô, nên qua những lá thư còn thấy dấu vết phẩm chất lời văn và lối Phaolô suy tư; về chiều sâu gắn bó vào những nhân đức và những câu hỏi về sự tự do. Những điều này phải triết lý Khắc Kỷ cũng thường đề cao.

Phaolô theo hệ phái nào trong Do Thái giáo?

Phaolô mang hai nền văn hóa và có hai tên. Ở thành Tácxô và trong đế quốc La Mã ngài tên Paulos (Hy Lạp) hay Paulus (La tinh); nhưng ở Giêrusalem, ngài tên Shaoul (phiên dịch ra Hy Lạp = Saulos), tên vị vua Do Thái đầu tiên thuộc dòng chi tộc Benjamin như Phaolô.

Phaolô người Do Thái nhưng theo hệ phái nào? Giữa buổi giao thời bước qua kỷ nguyên Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo có rất nhiều hệ phái khác nhau. Khuôn mặt Do Thái giáo rất khác biệt giữa những nông dân xứ Galilê mang tinh thần quốc gia dân tộc, hàng quý tộc Saduxê rất bảo thủ, giáo phái Qumran hay người Pharisêu thuộc lâu Lê Luật trên đầu ngón tay...

Ngoài ra cũng cần loại bỏ hình ảnh tiêu cực khi Tin mừng nói đến phái Pharisêu. Các sách Tin mừng được viết vào khoảng năm 65 đến năm 100, trong một giai đoạn lịch sử người Pharisêu đã dấy lên trong cộng đồng Do Thái chống lại “giáo phái” Kitô giáo mới phát sinh. Phong trào Pharisêu gồm những người đạo đức, gắn bó

sống đức tin vào sâu thẳm tâm hồn, bằng cách giữ gìn lề luật nơi những chi tiết nhỏ. Họ phải giữ gìn thanh sạch, vì vậy phải tránh mọi hình thức chung đụng với sự dữ, với bệnh nhân, những kẻ nghịch đạo, và những tư tưởng xấu.

Phaolô thành viên nhóm Pharisêu

Trong thư gửi giáo đoàn Philípphê, Phaolô trình bày một cách không bội bạc, không khiếm tốn giả tạo: *“tôi chịu cắt bì ngày thứ tám, thuộc dòng dõi Ítrael, họ Benjamin, là người Hípri, con của người Hípri; giữ luật thì đúng như một người Pharisêu; nhiệt thành đến mức ngược đãi Hội Thánh; còn sống công chính theo Lề Luật, thì chẳng ai trách được tôi”* (Pl 3,5-6). Lời lẽ diễn đạt Phaolô phần đầu có thành tích rất cao, dần thân theo phái Pharisêu, và ý thức mình nằm trong danh sách những người được thưởng.

Phaolô không lãnh nhận lối giáo dục theo phái Pharisêu ở thành Tácxô, vì không thấy nói đến những huynh đoàn Pharisêu nào khác ngoài các huynh đoàn sống tại Palestine. Theo Công vụ các Tông đồ 22,3: *“Tôi là người Do Thái, sinh ra ở Tácxô, miền Kilikia, nhưng tôi đã được nuôi dưỡng ở thành Giêrusalem; dưới chân ông Gamaliel, tôi đã được giáo dục để giữ Luật của cha ông một cách nghiêm ngặt. Tôi cũng đã nhiệt thành phục vụ Thiên Chúa như tất cả các ông hiện nay”*. Theo tác giả Luca, Phaolô được học với thầy rabbi Do Thái giáo nổi tiếng là ông Gamaliel, vào khoảng thập niên 30.

Phaolô được theo học tại Giêrusalem khoảng năm 25 tuổi, và tham gia vào phong trào Pharisêu. Ngài cũng theo học nghề dệt lều, và thành Tácxô nổi tiếng có nghề trồng cây vải lin, và Phaolô đã hành nghề làm lều trong cuộc đời phục vụ.

Phaolô, con người quen sống ở thành phố, có đầu óc cởi mở, lại dần thân theo một giáo phái mang những điều xác tín cương quyết hạn hẹp. Qua một số thư cũng phơn phớt có những niềm xác tín đến từ phái Phariseu, không phải những căn bã phải vất đi, nhưng một yếu tố hội nhập vào đức tin mới mẻ. Thay đổi mang cái nhìn khác về một sự vật nào đó thôi.

Khi Phaolô viết trong thư gửi Galát 3,10: *“Thật thế, những ai dựa vào những việc Luật dạy phải làm thì đều chuốc lấy lời nguyền rủa, vì Kinh Thánh viết: đáng nguyền rủa thay mọi kẻ không bền chí thi hành cả những gì ghi chép trong sách Luật”*, rất nhiều người đương thời với Phaolô diễn đạt tinh vi cho rằng “không phải tất cả”, vì con người bất toàn. Nhưng Phaolô vẫn giữ vững ý cho rằng “tất cả”, vì lý tưởng nhận được đã khắc sâu vào trí óc. Nếu lấy Lễ Luật, tức chọn tất cả Lễ Luật. Tác giả bộ sách Thánh vịnh Salomon cũng thuộc nhóm Phariseu soạn những bài Thánh vịnh một thời gian ngắn trước khi Đức Giêsu sinh ra, cũng ghi lại lý tưởng trên như sau: *“sự bảo đảm của những người công chính đến từ Thiên Chúa là Đáng cứu độ của họ. Trong nhà người công chính, không có chỗ dung thân cho những tội lỗi đến tích tụ lại. Người công chính luôn luôn canh chừng nhà cửa của họ để lấy đi cái đòi phong bại tục những thiếu thốn của nó. Họ chuốc lại những lỗi lầm vô ý bằng chay tịnh và khiêm nhường, và Thiên Chúa thanh tẩy những người thánh thiện và nhà của họ”* (3,6-8).

Thánh Phaolô sống độc thân hay có lập gia đình?

Câu hỏi đặt ra khi phải tìm hiểu khoảng đời trai trẻ xem Phaolô có lập gia đình hay không? Câu trả lời cũng không rõ ràng lắm; duy có điều chắc chắn khi Phaolô viết lá thư gửi tín hữu Côrintô vào năm 54, ngài không có vợ. Điều được nêu lên rõ ràng trong

cuộc biền hộ về đời sống độc thân, vì ngài khuyên những người độc thân và quả phụ hãy sống như ngài. Dù không loại trừ bậc hôn nhân, nhưng Phaolô khẳng định: *“Tôi ước muốn mọi người đều như tôi, nhưng mỗi người được Thiên Chúa ban cho đặc sủng riêng, kể thế này, người thế khác. Với những người độc thân và quả phụ, tôi nói thế này: họ cứ ở vậy như tôi thì tốt cho họ”* (1Cr 7,7-8). Đoạn văn cho cảm tưởng Phaolô đã lập gia đình, rồi góa vợ và không có con, để rồi trong khúc quanh quan trọng cuộc đời được trở thành tông đồ Chúa Kitô.

Phaolô, kẻ bắt bớ Kitô hữu

Trước khi trở nên tông đồ vô điều kiện của Đức Giêsu, Phaolô hăng say đi bắt bớ Kitô hữu. Điều không chối cãi, vì những chứng từ đều đến từ chính các lá thư của ngài, và Luca cũng ghi lại trong sách Công vụ các Tông đồ (8,1.3): *“Phần ông Saolô, ông tán thành việc giết ông Têphanô”*... *“còn ông Phaolô thì cứ phá hoại Hội Thánh: ông đến từng nhà, lôi cả đàn ông lẫn đàn bà đi tống ngục”*. Đối với các môn đệ Chúa, ông đe dọa *“nên đã tới gặp thượng tế xin giới thiệu đến các Hội đường ở Đamát, để nếu thấy những người theo đạo, bắt luận đàn ông hay đàn bà, thì bắt trở giải về Giêrusalem”* (9,1-2).

Chính Phaolô thú nhận bốn lần qua các đoạn trong thư Galát 1,13.23; 1Côrintô 15,9 và Philipphê 3,6. Nhưng Phaolô bắt bớ Kitô hữu ra sao? Cho đến ngày hôm nay, chưa thấy một ai lên án ngài mang bàn tay đẫm máu bắt hại Kitô hữu. Bắt bớ ở đây có nghĩa ngài kết án Kitô hữu trong các Hội đường. Phaolô chối từ Đức Giêsu mang tính Thiên Sai, và kéo người theo Kitô giáo chối bỏ đức tin họ nhận được (Cv 26,11). Có thể đó là việc làm chính của Phaolô, nhưng còn một số đoạn thư khác cho thấy, việc bách

hại cũng đôi lần phải dùng đến bạo lực (2Cr 4,9-11; 11,24-25 và 2Tm 3,11-21).

Tại sao Phaolô lại đi bách hại Kitô hữu? Trong thư gửi Philipphê 3,5-6, Phaolô cho rằng do sự nhiệt thành: *“tôi chịu cắt bì ngày thứ tám, thuộc dòng dõi Itraen, họ Benjamin, là người Hipri, con của người Hipri; giữ luật thì đúng như một người Pharisêu; nhiệt thành đến mức ngược đãi Hội Thánh; còn sống công chính theo Lê Luật, thì chẳng ai trách được tôi”*. Trong đoạn này quan trọng ở hai câu *giữ luật thì đúng như một người Pharisêu; nhiệt thành đến mức ngược đãi Hội Thánh*. Nhiệt thành vào Lê Luật, cho cách tuân giữ Lê Luật; cho nên Phaolô bị chấn động khi nhìn thấy Kitô hữu mang một thái độ khác trước Lê Luật.

Nhưng Kitô hữu đã làm gì để mang tội? Lý do đơn thuần vì người Kitô hữu đặt Đức Giêsu vào trung tâm điểm đời sống, thay chỗ đứng của Torah (Lê Luật). Chứng từ vị tử đạo tiên khởi Têphanô, được ghi trong sách Công vụ chứng minh điều này.

Phaolô nghĩ mình hành động đúng khi chứng kiến ông Têphanô bị ném đá. Phaolô tán thành việc làm và còn giữ áo cho những kẻ giết Têphanô (Cv 7,5-8; 22,20). Têphanô mang tư tưởng mà một người Pharisêu không thể nào chấp nhận được; ngài đã chỉ trích, kết án đền thờ và lề luật (6,11-14), Têphanô đụng phải cốt lõi Do Thái giáo, cho nên phải bị hành quyết. Đối với một người Pharisêu, nghi ngờ Lê Luật tức là đụng tới căn tính dân Ítraen. Vì thế không ai có quyền đụng tới Lê Luật. Sau khi Têphanô qua đời, cuộc bách hại lan rộng đến nhóm người Kitô hữu Hy Lạp hóa, bắt buộc họ phải bỏ thành Giêrusalem đi qua nơi khác lánh nạn. Têphanô một người Do Thái kiều cư như Phaolô, một người Do Thái Hy hóa trở lại Kitô giáo tại thành Giêrusalem; nhưng nhóm

ông Têphanô có cách sống đạo khác hẳn với nhóm Giáo hội tụ họp chung quanh ông Phêrô và ông Giacôbê. Nhóm nhận Đức Giêsu làm Đấng Thiên Sai, Đấng Thiên Chúa gửi đến. Họ tôn trọng luật Torah, cầu nguyện thường xuyên tại Đền Thờ và gìn giữ những nghi lễ về những thức ăn uống trong sạch. Họ không bao giờ cùng ngồi ăn với dân ngoại. Nhóm Hy hóa của ông Têphanô không mang cùng tư tưởng đó. Họ nhớ lại có đôi lần chính Đức Giêsu đã không giữ lễ luật ngày Sabát, khi cuộc sống kẻ khác lâm nguy (Mc 3,4). Họ biết Đức Giêsu không chờ đợi ơn cứu độ Lễ Luật nhưng Nước Thiên Chúa. Họ cũng nhớ lại, ngày Đức Giêsu đuổi các con buôn ra khỏi Đền Thờ và nói cộng đoàn những kẻ tin là đền thờ mới (Ga 2,13-30; 1Cr 3,16-17; 2Cr 6,16).

Nhóm Kitô hữu Hy hóa không được chấp nhận tại Giêrusalem, nên họ trở về sinh sống và lập cộng đoàn tại núi Hermon bên xứ Syrie. Đó là lý do tại sao Phaolô đi về Đamát. Đối với Phaolô cũng như thành viên nhóm Pharisêu, những Kitô hữu Hy hóa gian lận với ơn cứu độ khi họ nói lễ luật không bắt buộc. Đụng tới Lễ Luật là đụng tới căn tính Do Thái vì vậy họ phải bị loại trừ.

Thời trai trẻ Phaolô thực hành sứ mệnh hăng say để phụng sự Chúa theo lý tưởng Pharisêu và gắn bó vào truyền thống Do Thái giáo. Ngài triệt hạ những Kitô hữu lạc giáo không còn tôn trọng Đền Thờ và các nghi thức nơi đó. Phaolô chấp nhận việc giết Têphanô và việc bách hại giáo phái Kitô giáo làm vui lòng Thiên Chúa của cha ông. Phaolô muốn được phục vụ một cách trung thành: *“Trong việc giữ đạo Do Thái, tôi đã vượt xa nhiều đồng bào cùng lứa tuổi với tôi; hơn ai hết tôi đã tỏ ra nhiệt thành với các truyền thống của cha ông”* (Gl 1,14).

Người bách hại Kitô hữu Mạc Khải trên đường Đamát

Phaolô có mặt lại tại thành Giêrusalem năm 36-37. Trong khoảng thời gian trước đó, ông đã làm gì? Không ai biết rõ hơn, nhưng cũng chỉ đoán khi trở về thành Thánh, ông có mối tương quan tốt đẹp với Hội đồng Công tọạ.

Đức Giêsu bị đóng đinh vào ngày 7 tháng 4 năm 30. Vài tháng sau, có biến cố Hiện xuống trong ngày người Do Thái lên thành Thánh hành hương dịp lễ Vượt Qua, và họ nghe ông Phêrô rao giảng Đức Giêsu sống lại. Tin mừng được đón nhận nồng nhiệt và cộng đoàn các môn đệ lớn lên nhanh chóng dưới thúc đẩy của các tông đồ, các phó tế như ông Têphanô. Ông này bị ném đá chết sau một trận tranh luận gay go: *“Có những người thuộc hội đường gọi là hội đường của nhóm nô lệ được giải phóng, gốc Kyrênê và Alêxanria, cùng với một số người gốc Kilikia và Axia, đứng lên tranh luận với ông Têphanô. Nhưng họ không địch nổi lời lẽ khôn ngoan mà Thần Khí đã ban cho ông... Họ liền kêu lớn tiếng, bịt tai lại và nhất tề xông vào ông rồi lôi ra ngoài thành mà ném đá. Các nhân chứng để áo mình dưới chân một thanh niên tên là Saolô”* (Cv 6,9-10; 7,57-58). Các tông đồ và các Kitô hữu rời thành Giêrusalem và qua sinh sống tại các thành miền Samarie và đến thành Antiôkhia sur Oronte.

Một thời gian sau, Phaolô với thư Hội đồng Công tọạ, đi đến thành Đamát để bắt đưa Kitô hữu về thành Giêrusalem. Khi đến thành Đamát ông được mạc Khải đã đi sai đường và ông phải để cuộc sống mình cho Đức Giêsu mà ông bách hại. Các Kitô hữu tại Đamát, nhất là ông Ananias giúp soi sáng thêm cho Phaolô, và cho ông hiểu phép rửa sẽ mạc Khải hoàn toàn cho ông Đức Giêsu. Những cái vảy liền bong ra khỏi mắt ông.

Từ đây Phaolô không còn bách hại Kitô hữu nhưng loan báo mâu nhiệm đã khám phá: “*Vậy đang khi ông đi đường và đến gần Đamát, thì bỗng nhiên có một luồng ánh sáng từ trời chiếu xuống bao phủ lấy ông. Ông ngã xuống đất và nghe có tiếng nói với ông: “Saun, Saun, tại sao ngươi bắt bớ Ta? “Ông nói: “Thưa Ngài, Ngài là ai?” Người đáp: “Ta là Giêsu mà ngươi đang bắt bớ. Nhưng ngươi hãy đứng dậy, vào thành, và người ta sẽ nói cho ngươi biết ngươi phải làm gì”.* (Cv 9,3-6).

Sự mở mắt và mở lòng có những hậu quả quan trọng

- Phaolô từ bỏ Lễ Luật để cho Chúa Kitô trọn vẹn. Ngài chỉ sống cho Người để loan báo Tin Mừng: cuộc đời, cái chết và sự sống lại của Người. Bây giờ Phaolô mang lý tưởng loan báo ơn cứu độ, suối nguồn hạnh phúc được thể hiện trong Đức Giêsu.

- Phaolô biết mình trở thành một tông đồ, cùng tước hiệu với những vị khác, cho dù ơn gọi khác biệt. Ngài hiểu cần loan báo Đức Giêsu cho người Do Thái, nhưng cũng cho người Hylạp, vì mọi người được mời gọi đón nhận Đức Giêsu.

- Ôn cứu độ nhưng không, không phải qua các công trình để đến được với Thiên Chúa, nhưng qua việc đón nhận ân huệ Thiên Chúa. Tất cả những nặng nề của Lễ Luật đã qua đi: không cắt bì, không hy lễ đòi hỏi. Điều cần là ân sủng nhận được.

- Chúa được tôn vinh đã hiện ra với Phaolô. Toàn bộ thần học Phaolô dựa trên thể đảo ngược ở sự chúc dữ của thập giá. Đức Giêsu bị Lễ Luật lên án, và các nhà cầm quyền tôn giáo đại diện giới bảo vệ Lễ Luật. Người bị Thiên Chúa chúc dữ, bởi lẽ Thiên Chúa chẳng làm gì để cứu như đã viết: “Đáng nguyên rửa thay mọi kẻ bị treo trên cây gỗ”, trở nên đồ bị nguyên rửa, (*Đnl*

21,23; Gl 3,13). Thiên Chúa lại tôn vinh “Đồ bị nguyên rửa”, như Thiên Chúa đồng thuận với Người, còn Lễ luật lại bị Thiên Chúa lên án. Lễ Luật chẳng còn là gì cả. Đối với Phaolô, đó chính là ý nghĩa cuộc đời ông đang sống... Phaolô phải ủ rũ, mù tối ba ngày ở Đamát, tổng kết những gì đã xảy ra, và trong cái trống rỗng mênh mông đau đớn để Đức Giêsu được nổi bật lên. Từ nay Phaolô sẽ nói: “Đời tôi chính là Đức Kitô”. Tất cả nền thần học Phaolô còn đang manh nha ví như một thứ trực giác, và rồi ngài sẽ phải bỏ cả cuộc đời để liệt kê. Chúng ta ghi mấy điểm rõ rệt nhất.

- Nhờ đức tin được nên công chính. Phaolô, người Pharisêu, tin mình được nên công chính nhờ việc trung thành giữ lễ luật. Phaolô nghĩ mọi điều thực hành, những cố gắng, những công việc riêng đưa mình nên công chính trước mặt Chúa, nhưng rồi Phaolô khám phá chỉ có Đức Kitô mới có thể làm cho người ta nên công chính. Ta không tạo nên ơn cứu rỗi của mình, nhưng nhận lãnh cách nhưng không từ tay Thiên Chúa bởi lòng tin. Khi tin vào Thiên Chúa, gắn bó hết mình vào Đức Kitô và hoàn toàn tin tưởng Người, ta được cứu rỗi và được nên công chính.

Dĩ nhiên nói vậy không có nghĩa chỉ cần tin, còn sống thế nào cũng được. Khi tin yêu còn phải gắng sống theo hậu quả. Những việc ta làm không để buộc người khác phải yêu mình, nhưng làm vì biết mình được yêu.

- Ân sủng Thiên Chúa trở nên một đề tài chính trong thần học Phaolô. Ngài khám phá được Thiên Chúa yêu cách nhưng không, theo lòng thương xót. Thiên Chúa không yêu vì ta tốt, nhưng yêu để ta trở nên tốt. Ý tưởng đó thành nguồn gốc vui sướng và bình an cho Phaolô, và cho bất kỳ ai không dựa vào việc mình làm hoặc thực trạng bề bộn của mình nhưng dựa vào tình yêu Thiên Chúa trung tín.

- Đức Giêsu Kitô chịu đóng đinh. Đồ bị nguyên rửa đã được tôn vinh... Phaolô dò dẫm hỏi nếu như Thiên Chúa tôn vinh Đức Giêsu, nhất định cái chết kia phải nằm trong chương trình của Người, vậy cản trở về Kinh Thánh. Và những bài ca của người tôi tớ đau khổ trong sách ngôn sứ Isaia đem lại cho Phaolô câu giải đáp, Đức Giêsu không bị lên án vì tội lỗi mình, nhưng *“sự thật người đã mang lấy những bệnh tật của chúng ta, đã gánh lấy những đau khổ của chúng ta, còn chúng ta, chúng ta lại tưởng người bị phạt, bị Thiên Chúa giáng họa phải nhục nhã ê chề. Chính người đã bị đâm vì chúng ta phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm; người đã chịu sửa trị để chúng ta được bình an, đã phải mang thương tích cho chúng ta được chữa lành”* (Is 53,4-5). Thập Giá được sáng rực nhờ sự phục sinh sẽ nằm ở trung tâm điểm trong thần học Phaolô.

Chính dưới chân Đấng bị đóng đinh, Phaolô thấy mình mang kiếp tội nhân được ân xá. Khi cứ nghiền ngẫm mãi tội lỗi mình, việc đó chỉ có thể đưa tới ân hận vô ích. Chính trên khuôn mặt tha nhân, ta nhìn ra tội lỗi trong cái xấu xa mình làm cho họ. Phaolô cảm nghiệm điều đó nơi Đấng bị hành hạ trên Thập Giá, tuy nhiên trước tiên ngài nhìn thấy nơi đó sự tha thứ. Ý thức thân phận tội lỗi, từ nay trở đi Phaolô dâng lời tạ ơn Chúa, Đấng thanh luyện tội lỗi ta nơi Đức Giêsu Kitô.

- Hội Thánh thân thể Đức Kitô. Đức Giêsu hỏi kẻ đang bắt bớ các Kitô hữu: *“Tại sao người bắt bớ ta?”*... Phaolô nhận ra có một mối liên kết chặt chẽ giữa Đức Giêsu và môn đệ. Họ mang một thân thể duy nhất làm nên Hội thánh. Điều trở thành nền tảng luân lý của Phaolô. Nhờ đức tin và phép rửa, ta mặc lấy Đức Kitô, trở thành chi thể Người và được kêu gọi hãy sống theo như thế.

- Tông đồ Đức Giêsu Kitô. Các Tông đồ nói “*chúng tôi không thể không nói*”. Một khi nhận thấy mình được yêu bằng mối tình đặc biệt, và khi điều đó trở nên chính ý nghĩa đời mình, ta không thể nào không muốn cho tha nhân biết Người. Rao truyền Đức Giêsu Kitô trở thành một đòi hỏi sống còn đối với Phaolô (1Cr 9,16), và loan báo Người cho mọi người.

- Theo truyền thống. Phaolô có đầy đủ yếu tố làm lãnh tụ một giáo phái: thông minh, say mê, trực tiếp được Chúa chọn... nhưng ngài nhận phép rửa bởi tay Ananiass, một người xem ra không nổi nang gì về kiến thức cũng như lòng can đảm (Cv 9,13). Ông gọi tại Đamát, dầu có đặc biệt mấy đi nữa, cũng đem ông khiêm tốn theo truyền thống Hội Thánh. Đúng lúc ông nhận phép rửa từ Hội Thánh, mắt ông mở ra.

Có lẽ không đúng khi tưởng rằng Phaolô nhận được tại Đamát một nền thần học có sẵn rồi cứ thế đem ra! Lúc ấy Chúa đã *chụp bắt* ông (Plm 3,12), hoặc dùng lại hình ảnh đã triển khai ở trên, Chúa đã *chụp ảnh* được ông. Để cho hình ảnh Chúa Phục Sinh *lên hình* đầy đủ, cuộc sống hàng ngày với những cộng đoàn khác nhau, có nhiều vấn đề bó buộc Phaolô phải đào sâu kiến thức về Đức Kitô.

Sau biến cố Đamát: Cuộc sống Tông đồ

Sau biến cố Đamát, có rất ít tin tức về sinh hoạt truyền giáo của Phaolô trong một khoảng thời gian khá dài. Những năm tháng không được ghi lại rõ ràng về cuộc đời ngài. Sáu bảy năm trôi qua giữa mạc khải trên đường Đamát và cuộc hành trình lần thứ nhất. Sau biến cố Đamát, Phaolô đi về xứ Ả rập. Ở đâu? Bao nhiêu thời gian? Tại sao tại xứ Ả rập? Không có câu giải đáp nào thỏa đáng. Sau đó Phaolô trở lại thành Đamát.

Sách Công vụ có nói đến việc Phaolô rao giảng đức tin mới lãnh nhận được tại thành Đamát (9,19-30), nhưng theo thư Galát (1,15-17), Phaolô được ân sủng mạc khải thay đổi cuộc sống liền trẩy đi xứ Arabie. Khi rao giảng tại thành Đamát, Phaolô gặp chống đối và bị người tìm giết, nhưng ông được môn đệ đưa qua tường thành bằng cách đặt ông ngồi trong cái thùng rồi thòng dây thả xuống (Cv 9,25 và 2Cr 11,33). Tại sao Phaolô lại trẩy đi xứ Arabie chứ không về thành Giêrusalem? Phaolô không để bị thịt và máu kích thích, nhưng tuân theo ý Thiên Chúa chứ không để bị loài người ảnh hưởng. Chính Thiên Chúa gửi ngài trẩy đi xứ Arabie. Phaolô ở lại đó truyền giáo trong vòng hai, ba năm (Gl 1,17-20) rồi mới trở về Giêrusalem với mục đích gặp gỡ ông Kêpha (Phêrô), thủ lãnh cộng đoàn và người chứng thứ nhất về sự sống lại (1Cr 15,5; Lc 24,34). Về Giêrusalem lần này, Phaolô cũng đến gặp ông Giacôbê: *“tôi đã không gặp vị tông đồ nào khác ngoài Giacôbê, người anh em của Chúa”*. Sau này, khi Phêrô rời Giêrusalem, chính ông Giacôbê đã lãnh đạo cộng đoàn Giêrusalem. Tại sao chỉ gặp hai vị Phêrô và Giacôbê, thế còn các vị tông đồ khác lại không tìm gặp? Các tông đồ vẫn còn nghi ngờ con người đã một thời đi truy lùng tìm bắt họ, và chỉ có Phêrô và Giacôbê dám đứng đầu trước Phaolô để tìm hiểu thêm về con người này.

Chính ở Giêrusalem lần này, Phaolô xuất thần lúc cầu nguyện trong Đền Thờ, và được Đức Kitô gọi đi truyền giáo cho dân ngoại: *“và thấy Chúa bảo tôi: mau lên, hãy rời khỏi Giêrusalem gấp, vì chúng sẽ không nhận lời con làm chứng về Thầy đâu. Tôi thưa: Lạy Chúa, chính họ biết rõ con đây đã đến từng hội đường bắt giam và đánh đòn những kẻ tin Chúa. Khi người ta đổ máu ông Têphanô, chứng nhân của Chúa, thì chính con cũng có mặt,*

con tán thành và giữ áo cho những kẻ giết ông ấy. Chúa bảo tôi: Hãy đi, vì Thầy sẽ sai con đến với các dân ngoại ở phương xa” (Cv 22,17-21).

Sau những ngày ở Giêrusalem, Phaolô đi đến thành Césarée, rồi từ đó bằng đường biển đi về nơi sinh quán Tácxô (Cv 9,30). Hai năm sau, ông Banaba đến gặp Phaolô và kéo ngài cùng đi đến thành Antiôkhia sur Oronte (Cv 11,25-26). Khoảng thời gian hơn 10 năm (từ 35 đến năm 45), không rõ Phaolô làm gì, sách Công vụ Tông đồ và các thư Phaolô chỉ ghi ba cuộc hành trình truyền giáo thành lập các cộng đoàn Kitô hữu từ năm 45 trở đi, và cuộc hành trình về thành Rôma.

NHỮNG CUỘC HÀNH TRÌNH

Ngài ở thành Antiôkhia sur Oronte vào khoảng năm 43 là giai đoạn quan trọng trong đời Phaolô. Ngài cộng tác với ông Banaba, và giúp phát triển cộng đoàn Antiôkhia sur Oronte. Chính lúc này các môn đệ được một tên gọi mới “kitô hữu”: *“Hai ông cùng làm việc trong Hội Thánh ấy suốt một năm và giảng dạy cho rất nhiều người. Chính tại Antiôkhia mà lần đầu tiên các môn đệ được gọi là Kitô hữu” (Cv 11,26).* Vào cùng năm đó, hoàng đế Agrippa đệ nhất đã chặt đầu ông Giacôbê Cả.

Thánh Phaolô và ông Banaba vắng mặt tại thành Antiôkhia vì hai người đi về giúp tài chánh cho thành Giêrusalem. Họ trở về và mang theo ông Gioan Máccô, người bà con với ông Banaba và cùng truyền giáo trong thành phố. Theo khởi xướng từ ông Banaba, họ quyết định đi rao giảng xa hơn. Từ đây Phaolô bắt đầu những cuộc hành trình lớn. Thời điểm vào khoảng năm 45.

Hành trình đầu tiên: Công vụ 13,4–14,28 (45-49)

Cuộc hành trình đầu tiên được quyết định sau một buổi cầu nguyện tại thành Antiôkhia, dưới sự ủy thác của Chúa Thánh Thần, hàng lãnh đạo tại đây đã đặt tay lên Banaba và Phaolô gửi họ đi truyền giáo (Cv 13,1-3).

Cuộc hành trình kéo dài khoảng hai ba năm. Trước hết, thánh Phaolô và hai bạn đồng hành Banaba và Gioan Máccô đi đến đảo Chypre. Muốn tới Chypre, họ phải đi bộ 25km từ thành Antiôkhia để đến bến cảng Séleucie, và từ đó lấy thuyền tới thành Salamine. Thủ đô cũ đảo Chypre với thành phố đông dân nhất. Một thành phố trao đổi thương mại giữa xứ Syrie và Âu châu. Tại đây họ rao giảng trong các hội đường và gặt hái nhiều thành công. Từ thành Salamine, họ đến thành Paphos thủ đô đảo Chypre. Tại đây họ gặp một phù thủy và ngụy ngôn sứ tên Êlyma. Ông chống đạo, và bị Phaolô làm cho đui mù một thời gian, giúp ông nhận ra sai lầm, bỏ pháp thuật và đi theo đạo.

Từ thành Paphos lấy thuyền đi đến thành Pergé, thủ phủ miền Pamphylie, một giải đất nghèo với nhiều hồ ao bùn lầy. Tại thành Pergé, ông Máccô đã rời bỏ hai ông Phaolô và Banaba để về Giêrusalem. Đối với Phaolô, một sự bỏ cuộc gây ra cái bất hòa hoàn toàn giữa hai người. Phaolô không nhận Máccô vào làm cộng tác viên với mình nữa (15,37-40). Tại Pergé, Phaolô không có sinh hoạt nào quan trọng được ghi lại, có thể chỉ là trạm dừng chân.

Từ thành Pergé, Phaolô đi đến thành Antiôkhia Pisidie (Thổ Nhĩ Kỳ). Đoạn đường dài 160km số nhưng đây hiểm trở vì phải vượt ngọn núi Taurus, nơi các nhóm cướp đường trú ẩn. Những khó khăn, Phaolô đã ghi lại như những thành tích trong đoạn thư 2Cr 11,26: *“Tôi còn hơn họ, vì phải thực hiện nhiều cuộc hành trình,*

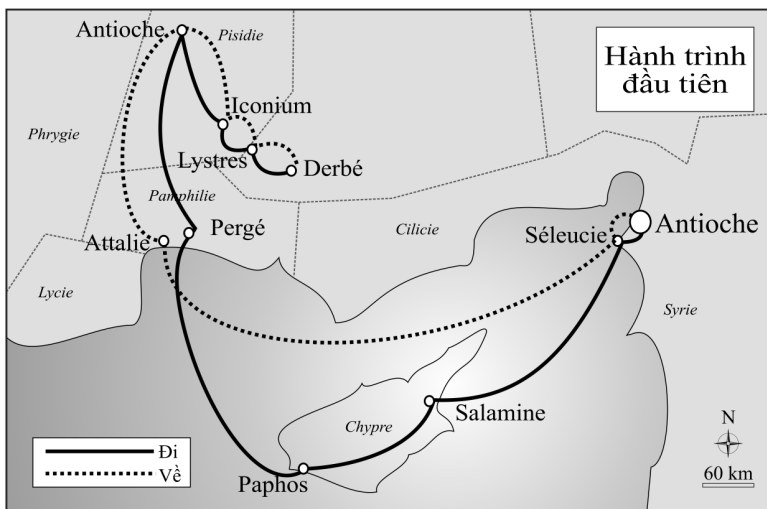
gặp bao hiểm nguy trên sông, nguy hiểm do trộm cướp... ”. Tại đây, Phaolô cũng vào hội đường người Do Thái và rao giảng Tin mừng nên bài Phaolô giảng tại đây dựa rất nhiều vào Cựu ước (Cv 13,16-43). Phaolô thành công rực rỡ sau bài giảng, vì liền sau đó đã có nhiều người theo đạo. Từ đây danh tiếng Phaolô nổi lên như cồn, và ngay ngày sabát kế tiếp, sách Công vụ nói gần như dân cả thành Antiôchia họp đến để nghe Lời Thiên Chúa. Gần như cả thành chứ không chỉ dành riêng cho người Do Thái nhưng cả dân ngoại nữa, vì thế người Do Thái mới nổi lòng ghen tương. Họ liền xúi giục các bà thuộc lớp thượng lưu trong thành (chồng các bà thuộc giới cao cấp có quyền hành) nhưng theo Do Thái giáo, tìm cách đuổi hai ông ra khỏi thành. Phaolô và Banaba noi theo gương Đức Giêsu dạy, họ đã phủi bụi chân, từ giã Antiôchia đi đến thành Iconium.

Thành Iconium ngày nay vẫn còn tồn tại ở xứ Thổ Nhĩ Kỳ. Thời thánh Phaolô đến rao giảng, Iconium giàu có, một trung tâm thương mại, vì vậy Iconium hợp cho việc rao giảng Tin mừng đến những vùng chung quanh. Tại Iconium, Phaolô cũng vào giảng tại hội đường người Do Thái, và được một số tin theo, rồi cuối cùng lại bị người Do Thái ghen ghét tìm cách xúi giục dân thành chống đối. Và tại đây, lần đầu tiên Phaolô được gọi “tông đồ” (14,4). Hai ông lại bỏ Iconium và trốn đi đến miền Lycaonia vào thành Lystres.

Lystres: Một thành phố cách thành Iconium khoảng 38 cây số (gần thành Hatunsaray, hiện nay ở Thổ Nhĩ Kỳ). Theo sách Công vụ, dân thành Lystres dường như hầu hết thuộc dân ngoại, và Công vụ 16,1 chỉ nói tới có một người đàn bà Do Thái. Không có cộng đồng Do Thái giáo, không có hội đường để Phaolô vào giảng như các lần trước đây, vì vậy tại đây sách Công vụ chỉ nói đến việc Phaolô chữa một người bại chân. Thấy việc đó, dân trong thành cho Phaolô và Banaba là thần linh đội lốt người. Ông Banaba được

coi hiện thân thần Zeus, thân phụ các thần. Đó cũng là dịp Phaolô giải thích cho người dân Lystres và rao giảng Tin mừng cho những người dân ngoại (Cv 14,15-17). Nhưng cuối cùng hai ông lại bị số người Do Thái đến từ Iconium và Antiôchia xúi giục người dân Lystres ném đá gần chết. Thánh Phaolô trong thư 2Côrintô 11,25 cũng nhắc lại đến chuyện này: “*ba lần bị đánh đòn; một lần bị ném đá; ba lần bị đắm tàu, một đêm một ngày lênh đênh giữa biển khơi*”. Cuối cùng họ bỏ Lystres và đi đến thành Derbé. Luca không ghi việc gì rõ hơn ngoài điều rao giảng Tin mừng.

Sau khi rao giảng tại Derbé, Phaolô và Banaba lại đi về thành Antiôchia xứ Syrie. Họ đi qua lại các thành Lystres, Iconium, Antiôchia xứ Pisidie, Pergé, Attalia (thành này trước đây họ không đi qua). Người ta lấy làm lạ tại sao hai ông không theo con đường dễ dãi đi đến thành Antiôchia xứ Syrie, nhưng lại đi về con đường cũ đầy nguy hiểm. Điều này giúp hiểu mẫu gương các nhà rao giảng Tin mừng. Họ không bao giờ bỏ những cộng đoàn mới thành lập. Họ trở lại để giúp thêm cho những anh chị em vừa mới trở lại đạo và củng cố đức tin cho họ. Ngoài ra còn nhấn mạnh đến sự hiệp nhất giữa các Giáo hội vừa được thành lập với Giáo hội mẹ tại Giêrusalem.



Hành trình thứ hai: Công vụ 15,36–18,23 (50-52)

Phaolô và Banaba ở lại thành Antiôkhiamột thời gian nhưng không rõ bao lâu, nhưng từ thành này, hai người quyết định làm cuộc hành trình lần thứ hai theo Công vụ 15,36 để thăm viếng các cộng đoàn đã được thành lập. Nhưng dự định không thành vì Banaba và Phaolô phải chia tay nhau. Banaba muốn cho ông Máccô đi theo, nhưng Phaolô từ chối vì cho rằng trước đây Máccô đã bỏ họ để về Giêrusalem. Hai người không đồng ý và chia tay nhau. Banaba và Máccô đi về đảo Chypre; còn Phaolô dẫn theo ông Silas đi bộ qua khắp xứ Syrie và Kilikia.

Phaolô và Silas đi đường bộ, vượt đèo Belen (còn gọi “cửa ngõ Syrie”), men theo vịnh Issos và đến thành Tácxô (dù sách Công vụ không nói đến Tácxô ở đoạn này, nhưng con đường bắt buộc phải dẫn đến đây). Tại đây, họ đi về thung lũng Cydnus, vượt dãy núi Taurus đến thành Derbé, Lystres, Iconium, Antiôkhiia Pisidie. Những thành phố nằm trên tuyến đường từ Kilikia về thành Êphêxô. Trong cuộc hành trình, có một điểm đáng nêu lên, khi đi qua Lystres, Phaolô đã gặp lại ông Timôthê. Ông trở lại đạo làm đệ tử Phaolô, và sau này trong thư 1Côrintô 4,17, Phaolô đã gọi “người con yêu quý và trung tín của tôi”. Cha ông Timôthê gốc người Hy Lạp theo Kitô giáo nhưng mẹ gốc Do Thái, chính vì thế Phaolô đã cắt bì cho ông để khỏi va phải những người Do Thái giáo trong thành.

Tại Êphêxô, họ theo hướng đi về các nơi có thành phố để rao giảng Tin mừng. Sách Công vụ (16,6-8) cho biết có Thần Khí Đức Giêsu can thiệp làm họ thay đổi chương trình:

Thứ nhất hai ông đã bỏ đoạn đường chính phải đi, và quẹo đi qua miền Phrygie và Galát. Ngoài việc nêu lên ở đoạn này về

thành Galát, trong sách Công vụ không có đoạn nào khác nói về việc rao giảng Tin mừng cho dân Galát. Chúng ta chỉ thấy ở đoạn 18,23 khi Phaolô bắt đầu hành trình thứ ba. Công vụ ghi *“ông lần lượt qua miền Galát, và Phrygie và làm cho tất cả các môn đệ được vững mạnh”*. Đúng như những gì Phaolô đã viết trong thư gửi Galát 4,13-14 khi gọi lại việc thành lập cộng đoàn tín hữu Galát: *“Anh em biết, nhân khi thân xác bị đau ốm, tôi đã loan báo Tin Mừng cho anh em lần đầu tiên. Mặc dù thân xác tôi là một dịp thử thách cho anh em, anh em đã không khinh, không tởm; trái lại anh em đã tiếp đón tôi như một sứ giả của Thiên Chúa, như Đức Giêsu Kitô”*.

Thứ hai, Thần Khí Đức Giêsu ngăn cấm không cho các ông vào miền Bithynie. Họ đành phải đi qua xứ Mysie đến thành Troas. Cứ điểm thuận lợi đi đến miền Makêđônia. Thành phố Troas sẽ nhận được Tin mừng qua cuộc hành trình lần thứ ba của Phaolô khi thánh nhân đi từ Êphêxô về miền Makêđônia (2Cr 2,12). Lần này Phaolô chỉ ghé Troas. Tại đây Phaolô được thị kiến thấy người Makêđônia nói với ông rằng: *“Xin ông sang Makêđônia giúp chúng tôi”*. Phaolô lập tức rời Troas đi đến Âu châu (Cv 16,9). Trên đường đi Makêđônia, Phaolô ghé đảo Samothrace, với ngọn núi Phengari quanh năm phủ tuyết. Phaolô dừng chân và sau đó lên thuyền đi về thành Néapolis (hôm nay Kêvala), miền duyên hải xứ Makêđônia. Tại đây Phaolô đi theo đoạn đường chính Via Egnatia, con đường nối liền Đông và Tây phương. Sau gần 14km đường bộ, Phaolô đến thành Philipphê. Giã từ Philipphê, Phaolô đi đến thành Thêxalônica.

Từ Thêxalônica, Phaolô, Silas và thêm ông Timôthê lấy lại đường Via Egnatia đi đến Bêrê. Tại đây lại gặp khó khăn đến từ người Do Thái. Silas và Timôthê ở lại nhưng Phaolô phải lên

đường đi đến nơi khác với một nhóm người. Ngài lấy thuyền tại cảng Pydna đi Pirée và từ đó qua thành Athènes. Tại thành Athènes, nhóm người theo ngài trở về Bêrê với sứ mạng báo cho Silas và Timôthê qua gặp Phaolô càng sớm càng tốt. Điều họ đã làm khi Phaolô đang ở thành Côrintô (Cv 18,5; ITx 3,6). Đó là những gì sách Công vụ ghi lại, nhưng trong thư 1Thêxalônica 3,1-2.6 Phaolô cho biết ngài đi Athènes với Timôthê, và sau này tại Athènes Phaolô lại gửi Timôthê về thăm lại Thêxalônica để lấy thêm tin tức về cộng đồng tín hữu tại đó. Tại thành Athènes (Cv 17,22-32), Phaolô đọc một diễn từ quan trọng về vấn đề truyền giáo nhưng cũng không thành công.

Từ già Athènes, Phaolô đi Côrintô. Nếu như Phaolô không theo đường biển ngài cũng có thể đi theo đường bộ vì Athènes và Côrintô cách nhau khoảng 60km.

Từ Côrintô đi về thành Antiôkhia. Phaolô từ già Côrintô (Cv 18,18) cùng với hai vợ chồng Priscilla và Aquilla. Họ xuống tàu tại bến Cendrée, và tại đây, Phaolô đã xuống tóc vì mang lời khấn Narizéat như ghi trong sách Dân số (6,1). Đối với Phaolô khi làm việc này, cho thấy ông vẫn trung thành trong một cách nào đó với một số lễ nghi ông nhận được ở tôn giáo khi ông mới sinh ra. Trên đường đi Antiôkhia xứ Syria, họ dừng lại tại thành Êphêxô. Tại đây vợ chồng Priscilla và Aquilla từ già Phaolô và thánh nhân sẽ gặp lại họ vào cuộc hành trình thứ ba (Cv 18,26; ICr 16,19). Phaolô tiếp tục cuộc hành trình về thành Antiôkhia xứ Syria, trở lại nơi trước đây đã ra đi. Phaolô không đi đường chính và ngắn nhất, nhưng theo sách Công vụ ngài lại ghé về Césarée bên Giêrusalem để chào thăm Giáo hội ở đây; nhưng ngày nay các nhà chú giải cho chuyến viếng thăm sách Công vụ ghi ở đây không đúng: vì trong

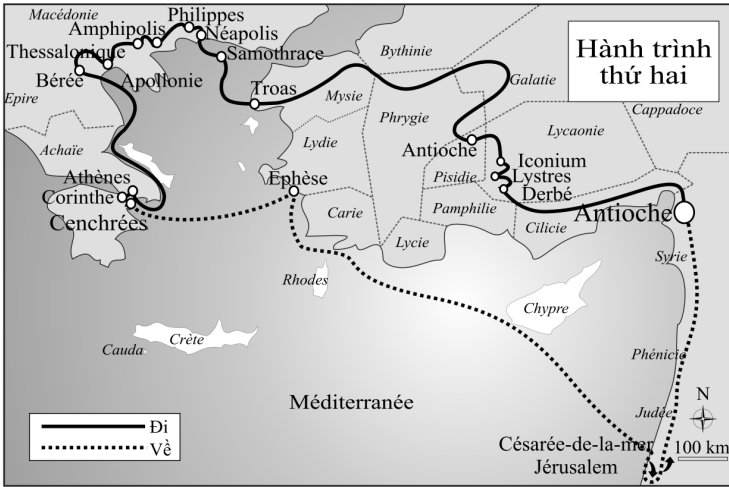
thư gửi tín hữu Galát, Phaolô cho biết rõ ràng niên hiệu những chuyến ngài viếng thăm cộng đoàn Giêrusalem, và không nói tới chuyện viếng thăm lần này do Luca ghi lại. Ý tác giả Luca muốn cho Phaolô đến gặp gỡ với Giáo hội mẹ, mang ý nghĩa thần học nhiều hơn lịch sử.

Tranh luận tại Antiôkhia. Sau khi Phaolô trở về Antiôkhia, một biến cố quan trọng đã xảy ra tiếp đó. Công đồng được triệu tập tại thành Giêrusalem. Trong Công vụ chương 15, hai ông Phaolô và Banaba lên Giêrusalem khi có cuộc tranh luận về việc cắt bì và giữ luật Môsê. Sau khi Phêrô phát biểu, tiếp theo một diễn từ của ông Giacôbê. Với tư cách người đứng đầu Giáo hội tại Giêrusalem nên bài diễn từ coi như sắc luật thuộc về nghi thức hơn là luân lý. Đọc qua, thấy ông Giacôbê đã cứng rắn trong cuộc tranh luận. Đối với những người Kitô hữu đến từ phía Do Thái giáo, họ thấy vẫn còn nghi thức cũ phải tuân theo. Riêng với nhóm Kitô hữu đến từ dân ngoại, theo thánh Phaolô họ hoàn toàn tự do đối với lề luật Do Thái cũ. Cuối cùng đề nghị của ông Giacôbê được gửi tới các cộng đoàn do thánh Phaolô thành lập (Cv 15,20-29).

Cộng đoàn Antiôkhia nhận được lá thư sắc lệnh khi Phêrô đang có mặt ở đó. Lá thư gây bối rối trong cộng đoàn. Vấn đề không còn việc phải cắt bì, nhưng anh chị em tín hữu gốc dân ngoại không giữ lề luật Do Thái có được đồng bàn với người Kitô hữu gốc Do Thái hay không? Thật vậy, cộng đoàn Antiôkhia từ lúc ban đầu được thành lập gồm có những người dân ngoại trở lại đạo, cũng như những người Do Thái trở lại, nên vấn đề ăn uống với nhau không hề được nêu lên. Một điều bình thường. Lúc đầu Phêrô ăn đồng bàn với anh chị em tín hữu gốc dân ngoại, nhưng từ khi có những người do ông Giacôbê gửi đến làm cho ông Phêrô thay đổi

thái độ. Phêrô, Banaba và một số người đã theo chỉ thị Giacôbê. Phaolô cho rằng Phêrô và Banaba sai lầm. Đối với Phaolô, việc Phêrô không còn ngồi ăn chung bàn khi có người dân ngoại trở lại chỉ mang tính cách tôn trọng con người mà thôi. Phêrô đối với người Do Thái tại Giêrusalem là người tuân giữ Lễ Luật. Điều cho thấy Phêrô đã phản bội niềm tin của mình. Phaolô cho hành vi như người đạo đức giả. Hơn nữa làm như vậy Phêrô đi ra khỏi sự thật Tin mừng. Tin mừng mời gọi phải bãi bỏ mọi phân chia giữa Do Thái và dân ngoại, kết hiệp trong cùng đức tin nơi Chúa Kitô (4,28-29). Khi Phêrô trở về với lối thực hành cũ của Do Thái giáo, một lần nữa ngài đã đào sâu cái hố chính Đức Kitô đã lấp đầy. Phaolô còn nhấn mạnh đưa ra một số lý do cho biết người Kitô hữu được tự do, nhưng vì đức bác ái, cố tránh gây gương mù cho những người hay bối rối lương tâm vì thái độ tự do của mình (*ICr* 8,10). Trước sự Phaolô phản đối mạnh mẽ, Phêrô đã phản ứng ra sao? Không thấy văn bản nào nói tiếp những chuyện gì đã xảy ra sau đó. Riêng Phaolô, sau cuộc tranh luận tại Antiôkhia, ngài lên đường đi đến nơi khác. Điều cho thấy, Phêrô không đi vào cuộc tranh luận phải trái với Phaolô. Phêrô hiểu ý Phaolô, và ngài trực tiếp ở lại để hòa giải giữa khối người Kitô giáo tại Antiôkhia. Phaolô ra đi và không bao giờ trở lại thành Antiôkhia nữa. Ngoài ra, Phaolô làm dường như không biết đến sắc lệnh đến từ Giêrusalem. Khi Phaolô trở lại Giêrusalem (*Cv* 21,25) ông cho cảm tưởng mới khám phá ra sắc lệnh Giacôbê. Và cộng đoàn Antiôkhia đã tránh được nguy cơ bị phân chia.

Cuộc hành trình thứ hai hoàn thành từ năm 50 đến năm 52 bao gồm 3700km theo đường biển và đường bộ. Thánh Phaolô thăm viếng khoảng 20 thành phố, và trong đó có khoảng 15 thành phố mới đến lần đầu tiên.



Hành trình thứ ba: Công vụ 18,23–21,16 (từ 52-58)

Phaolô rời thành Antiôkhia sur Oronte vào khoảng năm 53. Ngài muốn đi gặp lại các cộng đoàn Lyocanie, Phrygie, Pisidie và Galát. Ngài đi qua Derbé, Lystres, Iconium, Antiôkhia miền Pisidie. Ngài củng cố đức tin của họ, sửa lại những sai trái xảy ra, và xác định lại giáo thuyết. Các thư Côrintô, Rôma và Galát được viết trong chuyến hành trình nhấn mạnh đến những điểm trên.

Thánh Phaolô đến Êphêxô nơi đã ghé lần trước đây khi trở về từ hành trình thứ hai. Ngài ở lại và rao giảng mỗi ngày Sabát tại hội đường. Ba tháng đầu, ngài lấy lại chương trình rao giảng bình thường: loan báo Tin mừng ưu tiên cho người Do Thái. Sau cuộc dứt đoạn với hội đường, Phaolô tiếp tục rao giảng tại trường Tyrannos trong vòng hai năm.

Bây giờ có biến cố xảy ra: thành Êphêxô được dâng hiến cho nữ thần Artémis. Nhiều khách hành hương đến viếng nữ thần trong

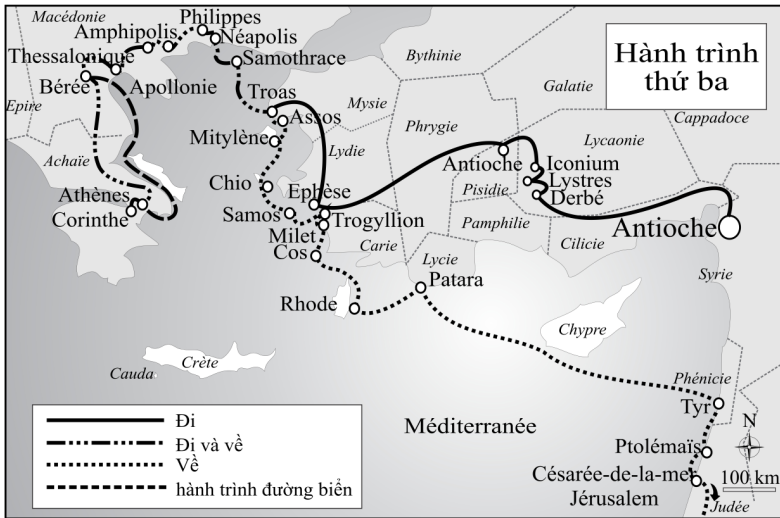
đền Artémision, và lúc về mang theo đồ lưu niệm: tượng hình đèn thu nhỏ, tượng các thần do các nghệ nhân sáng tác. Các ông thợ bạc thấy công việc làm ăn xuống dốc với sự phát triển của Kitô giáo. Ông thợ bạc Démétrius kêu gọi đồng nghiệp cùng lên tiếng diễn đạt tức giận tại hí viện. Hàng ngàn dân Êphêxô hưởng ứng và la ó trong vòng hai giờ đồng hồ: Thần Artémis của người Êphêxô cao cả.

Khi cuộc biểu tình chấm dứt, Phaolô huấn dụ cộng đoàn Kitô hữu đứng vững và ngài ra đi đến Makêđônia (Cv 20,1). Khi đi qua miền Makêđônia để thăm các cộng đoàn, sách Công vụ ghi Phaolô trở lại Hy Lạp và ở lại đó 3 tháng (Cv 20,2).

Sau đó Phaolô trở về Giêrusalem. Những đoạn đường được ghi rõ vào danh mục. Chỉ có cuộc chia tay với các kỳ mục Êphêxô tại Milet được nhấn mạnh: *“Tôi luôn tỏ cho anh em thấy rằng phải giúp đỡ những người đau yếu bằng cách làm lưng vát và như thế, và phải nhớ lại lời Chúa Giêsu đã dạy: cho thì có phúc hơn là nhận.”* Nói thế rồi, ông Phaolô cùng với tất cả các anh em quỳ gối xuống cầu nguyện. Ai nấy òa lên khóc và ôm cổ ông mà hôn. Họ đau đớn nhất vì lời ông vừa nói là họ sẽ không còn thấy mặt ông nữa. Rồi họ tiễn ông xuống tàu (Cv 20,35-38).

Trên đường trở về có nhiều đoạn dừng chân như tại Cos, Patara, Rhodes, Tyr, Ptolémaïs. Từ đây thánh Phaolô đi về Rôma bằng đường bộ. Cuộc hành trình kéo dài trong vòng 5 năm (53-58) với một khoảng đường dài 3800km. Theo sách Công vụ (20,3) cuộc hành trình trở về đáng lý ra Phaolô đi thẳng từ Cendrée về thành Giêrusalem, nhưng vì sợ bị người Do Thái ám hại, nên bắt buộc Phaolô phải trở lại miền Makêđônia. Trong suốt cuộc hành trình trở về, sách Công vụ thường loan báo việc Phaolô sẽ bị bắt.

Ở thành Tyr, các môn đệ Phaolô khuyên ngài dừng về Giêrusalem (21,4). Tại Césarée, ngôn sứ Agabô cho biết hình ảnh Phaolô sẽ bị bắt ra sao (21,10-11); nhưng Phaolô không thay đổi định hướng dù các môn đệ van nài, và tiếp tục hành trình về Giêrusalem. Một khúc quanh mới trong cuộc đời Phaolô.



Hành trình thứ tư (60-61)

Thánh Phaolô chấm dứt cuộc hành trình thứ ba vào năm 58, và đến Đền thờ Giêrusalem để hoàn thành lời hứa đã làm trước đây. Khi Phaolô vừa về đến Giêrusalem được vài ngày, điều ngài suy nghĩ trước thực sự xảy ra sau thời gian tẩy uế đền thờ. Trong đền thánh Giêrusalem, có một khoảng sân lớn được gọi “sân dành cho dân ngoại”, và trong sân có một bụi danh dự (le hel), tức là cung thánh với chung quanh có ba cái sân nhỏ khác. Tất cả đều được bao bọc bởi một hàng rào đá cao chừng 1m50. Ranh giới ngăn cản không cho vào trong đền thờ những người đang trong tình trạng

không trong sạch. Nơi lan can bao bọc danh dự, có một tấm biển ghi bằng tiếng Hy Lạp và Latinh “*cấm mọi người ngoại vượt lan can đi vào cung thánh. Những ai bị bắt sẽ tự lãnh trách nhiệm về cái chết nói theo*”. Thánh Phaolô nằm trong trường hợp trên, ngài đã vượt qua lan can bao bọc danh dự. Phaolô có quyền vượt lan can đó vì gốc người Do Thái, nhưng người ta kết án ngài đã để bạn đồng hành Trophimime cùng đi vào đó. Trophimime, người thành Êphêxô, một người ngoại trở lại đạo.

Phaolô bị bắt ngay tại cung thánh và bị dẫn ra phía sân ngoài dành cho dân ngoại. Họ đóng tất cả các cửa trong sân dành cho giới phụ nữ. Tất cả gồm hết thầy 9 cửa. Việc đóng gấp các cửa để tránh có đổ máu làm ô uế đền thờ. Bên phía đền thờ cạnh có một cơ đội La Mã khoảng 1000 người trấn đóng để giữ trật tự an ninh trong đền thờ. Đó là pháo đài Antonia. Pháo đài có một cầu thang dẫn qua đền thờ, cho nên khi có biến, quân La Mã liền có mặt để can thiệp tức khắc. Phaolô bị hai cái xiềng còng lại vì theo viên đại đội trưởng ngài đã gây xáo trộn. Phaolô bị điệu qua pháo đài Antonia. Người Do Thái dự định sẽ nói quân La Mã đưa Phaolô ra thượng hội đồng Sanhédrin. Họ âm mưu trên đường ra tòa Sanhédrin, sẽ cho người phục kích giết Phaolô (Cv 23,12tt); nhưng nhờ một người cháu cho biết, nên đi báo với viên đại đội trưởng. Nhờ đó họ đã tìm cách đưa Phaolô rời khỏi pháo đài Antonia để giải đi Césarée.

Từ Césarée về Rôma. Phaolô nằm trong tay người La Mã nên viên đại đội trưởng bắt buộc phải giải ông lên thượng cấp. Và người có quyền hành xử án là vị Tổng trấn xứ Giuđê. Bình thường vị Tổng trấn ở thành Césarée, và ông chỉ về Giêrusalem trong những dịp định kỳ. Tổng trấn thời bấy giờ là ông Antonius

Félix, đã xử vụ kiện Phaolô và tổng giam Phaolô ở Césarée. Khi mãn nhiệm kỳ, Félix được ông Porcius Festus thay thế. Festus đề nghị đưa Phaolô về Giêrusalem để xét xử, và Phaolô kháng cáo lên hoàng đế César.

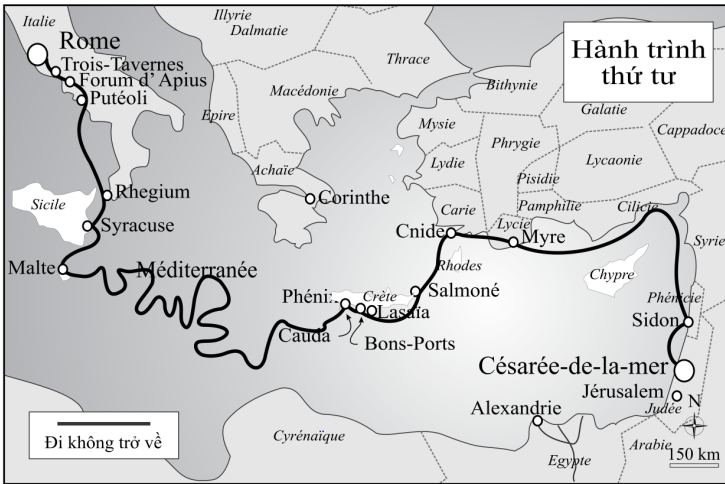
Cuộc hành trình từ Césarée về Roma ghi trong sách Công vụ 27,1-28.10 là một trong những trình thuật hay. Phaolô được đưa về Roma bằng thuyền cùng với một số người tù khác, dưới sự chỉ huy của một viên đại đội trưởng tên Julius. Họ ngừng tại bến Sidon bên xứ Phinicie cách Césarée 127km; để tránh gió tây, chiếc thuyền men theo bờ biển Kilikia và Pamphilie và từ đó đến cảng Myra (Ai Cập). Tại đây họ đổi thuyền đi từ Ai Cập về Ý. Đoạn đường biển rất nhiều sóng gió, nên viên đại đội trưởng đã cho họ đi bằng thuyền lớn. Chiếc thuyền chở lúa (27,38b) và có tất cả 276 hành khách (27,37). Họ bị đắm tàu trôi dạt vào đảo Malte, và Phaolô lưu lại đó một thời gian (Cv 28,1-10).

Vào khoảng tháng ba năm 61, khi trời thuận lợi cho việc đi biển trở lại, họ lại lên thuyền đi từ Malte về Syracuse, dọc theo ven phía đông đảo Sicile, và ở lại đó 3 ngày. Sau đó họ đến cảng Rhegium (ngày nay Reggio di Calabria), ven biển nước Ý và eo biển Messine. Họ ở lại một ngày rồi lên đường đi Putôli. Cuộc hành trình kéo dài hai ngày đưa họ đến vịnh Naples xuống cảng Pouzzoles (Puzzuoli). Tại đây viên đại đội cho mọi người xuống thuyền và dẫn bộ họ về thành Roma.

Tại Roma, Phaolô được quy chế “Custodia militaris”, không bị giam trong ngục nhưng tay luôn luôn bị xiềng xích vào người canh gác kề bên. Phaolô đến gặp gỡ các Kitô hữu tại Roma phần đông thuộc giới thương gia và được tiếp đón nồng hậu. Tác giả sách Công vụ Tông đồ không nói gì về hoạt động cũng như những

ngày cuối cùng của Phaolô tại Rôma. Hai năm tại đây với sự giam lỏng đã giúp Phaolô “rao giảng Nước Thiên Chúa và dạy về Chúa Giêsu Kitô một cách mạnh dạn, không gặp trở ngại nào”. Đó là thời điểm năm 63...

Cuộc hành trình thực hiện trong vòng sáu tháng, nhưng chỉ có đi nhưng không có về. Thánh Phaolô đi tất cả 4200km, và phần nhiều ngài theo đường biển.



Những năm tháng cuối cùng: Thánh Phaolô qua đời năm 67?

Theo sách Công vụ các tông đồ, thánh Phaolô ở lại Rôma hai năm. Ngài đến vào mùa xuân 61, và rời thủ đô vào năm 63. Khi bị bắt, ngài viết các lá thư gửi Côlôxê, Êphêxô và Philêmon. Sau đó ngài làm gì? Người ta biết Phaolô mang dự án đi qua Tây Ban Nha. Ngài có thực hiện không? Rất có thể nhưng không có gì chắc chắn!

Theo truyền thống, Phaolô về lại Rôma vài năm sau đó. Ngài bị chặt đầu ngoài thành Rôma, nơi ngày nay gọi “thánh Phaolô ngoại thành”. Một hình phạt dành cho công dân La Mã. Biến cố xảy ra năm nào: có thể năm 64 khi Néron bách hại Kitô hữu, hay vài năm sau đó là năm 67?

CÁC THƯ PHAOLÔ

Thể loại văn thánh thư trình bày trong Tân ước gồm 21 cuốn sách được phân chia thành ba loại:

- Những thư chính của thánh Phaolô: Rôma, 1 và 2 Côrintô, Galát, Philípphê, 1 và 2 Thêxalônica.
- Những thư thuộc truyền thống Phaolô: Côlôxê, Êphêxô, và thư gửi Philêmon; Những thư mục vụ: 1 và 2 Timôthê, Titô, Do Thái; Những thư Chung: 1 và 2 Phêrô, Giacôbê, Giuđa.
- Ba thư thánh Gioan.

Trong thời cổ đại loại văn thư tín thịnh hành. Người ta phân biệt thư được viết trong những hoàn cảnh đặc biệt cho một người nào đó, và thư được trình bày dưới hình thức một lá thư được truyền bá rộng rãi hơn.

Những thư Phaolô được viết có lý do qua các hoàn cảnh rõ ràng. Các thư gửi cho nhóm được chỉ định, có mục đích giáo dục các tín hữu và củng cố họ trong đức tin, cùng khích lệ bác bỏ những học thuyết sai lầm hoặc sửa chữa những lầm lỗi. Một bài viết của người thi hành mục vụ. Những thư khác thời Tân Ước như thư gửi tín hữu Do Thái, và thư thứ nhất Phêrô thuộc loại văn huấn dụ an ủi.

Trong thế hệ Kitô hữu đầu tiên, Phaolô, người duy nhất đặt bút viết giữa khoảng năm 30 đến năm 60, lúc bị dẫn về Rôma như

tù nhân đọi ra trước tòa án đế quốc. Chưa một Kitô hữu nào đặt bút viết như Phaolô. Các sách Tin mừng chỉ được biên soạn sau đó. Phaolô, người duy nhất thuộc thể hệ thánh Phêrô, chứ như thánh Giacôbê, thánh Anrê, và ngay cả ông Apollos người thành Alexandria rao giảng có tài cũng không viết lại một điều gì trong thời kỳ đó. Phaolô chỉ viết sau 18 năm đi truyền giáo. Vào năm 50 lúc khoảng 40 tuổi, ngài đã viết một lá thư vài trang giấy cho tín hữu Thêxalônica. Câu hỏi đặt ra tại sao ngài phải chờ lâu vậy để viết thư? Có phải khúc quanh mới trong cuộc đời, và Phaolô quyết định dùng ngòi bút đặt nền thần học, để có thể lưu truyền mãi mãi, hơn chỉ dựa vào ký ức? Thư Phaolô thường được viết tùy hoàn cảnh, trả lời thắc mắc một cộng đoàn hoặc chống lại một vài vụ về tín lý hay luân lý.

Bài này trong phần đầu sẽ tìm hiểu sơ lược 7 thư được coi là của Phaolô, và phần tiếp sẽ điếm qua những thư còn lại đến từ truyền thống Phaolô và các thư Chung.

NHỮNG THƯ DO CHÍNH PHAOLÔ BIÊN SOẠN

Thư gửi giáo đoàn Philipphê

Thành phố mang tên Philipphê tưởng nhớ vua Philipphê II, bố Alexandre đại đế. Hoàng đế Augustus chọn Philipphê làm thành phố La Mã nhớ lại cuộc chiến thắng của ông vào năm 42 trước công nguyên. Từ đó, tại Philipphê có một nhóm cựu chiến binh La Mã ở lại đồn trú. Người dân Philipphê ý thức mình thuộc đế quốc La Mã (Cv 16,21). Ngoài thổ dân, với đám binh đoàn La Mã còn có những kiều dân khác đến lập cư. Một số dân hỗn tạp đưa đến những phụng tự khác biệt với thuyết tôn giáo hỗn hợp. Trong đó, chỉ một thiểu số nhỏ người Do Thái mang niềm tin độc thần.

Đó là bối cảnh thành Philípphê khi Phaolô đến rao giảng. Phaolô đến Philípphê trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ hai (Cv 15,36–18,23), khoảng năm 50-52. Tại đây có người Do Thái kiều cư nhưng không có hội đường. Phaolô đến rao giảng cho họ bên bờ Krinidès và bị nhà cầm quyền La Mã bắt và tống ngục. Cộng đoàn đầu tiên được thành lập tại Âu châu là tại thành Philípphê thuộc miền Makêđônia ở nhà bà Lydia (Cv 16). Bà thuộc thành phần nô lệ Do Thái, hoặc Do Thái lấy dân ngoại. Họ không theo Do Thái giáo nhưng thuộc người “*kính sợ Thiên Chúa*”, những người đặt niềm tin vào việc thờ phượng một thần duy nhất như Do Thái giáo, tham dự các lễ điển Do Thái giáo nhưng không gìn giữ Lễ Luật. Tại Philípphê, ngoài việc bà Lydia và cả nhà trở lại đạo và nhận phép rửa, sách Công vụ không nói thêm về cộng đoàn này. Tiếp theo sách Công vụ kể lại chuyện Phaolô chữa một thiếu nữ bị quỷ ám làm mất mỗi lợi của các chủ thuật bói toán nên Phaolô và Silas bị đưa ra quảng trường kết án, bị đánh như tử và tống giam trong ngục. Nhờ mang công dân Rôma, Phaolô không những được thả ra, họ còn xin Phaolô rời khỏi thành phố.

Thư gửi giáo đoàn Philípphê được Phaolô viết khi ngài đang bị tù tại Rôma vào khoảng mùa xuân năm 61 đến năm 67, hoặc lúc Phaolô bị tù tại Êphêxô khoảng năm 56-57. Vấn đề còn trong vòng tranh luận. Phần đông các nhà chú giải cho Phaolô viết thư gửi tín hữu Philípphê trong những ngày ngài ở Êphêxô kể lại tình trạng bị tù ở Êphêxô. Chính tại đây lần đầu tiên Phaolô đi truyền giáo tại Philípphê vào năm 49/50. Vào lúc viết bức thư, - hoặc viết nhiều lần rồi được thâu thập thành một số bài nhỏ, Phaolô bị tù tại Êphêxô, khoảng năm 56/57. Nhưng Phaolô biết việc ngài bị tù đây để phụng sự Tin mừng. Vì thế, Phaolô mời gọi các bạn hữu hãy

bền đỗ với Thiên Chúa cho dầu các thù nghịch vẫn gây xáo trộn trong cộng đoàn. Ngài từng ra lời kêu gọi khẩn thiết như sau (Pl 1,27-29): “*Chỉ có điều này là anh em hãy cư xử sao cho xứng với Tin Mừng của Đức Kitô, ngõ hầu - hoặc tôi đến và được thấy, hoặc tôi vắng mặt mà được nghe biết - anh em cứ đứng vững trong một Thần Khí, cùng nhau chiến đấu, với một tâm hồn, vì đức tin do Tin Mừng đem đến, không chút mây may hốt hoảng trước mặt những kẻ chống đối. Việc họ chống đối là dấu nguy cơ diệt vong cho họ, còn đối với anh em là dấu chỉ ơn cứu độ - và điều ấy là do Thiên Chúa ban. Vì anh em đã được phúc nhờ Đức Kitô - chẳng những là tin vào Ngài, mà còn được chịu khó vì Ngài*”.

Lý do Phaolô viết thư chỉ vì quý mến dân Philípphê, cộng đoàn duy nhất ngài chấp nhận sự giúp đỡ tài chính. Phaolô tín nhiệm vào tình yêu vô vị lợi, và biết mình sẽ không bị ràng buộc vào sự giúp đỡ ấy. Qua thư, Phaolô bộc lộ lòng mình nói về niềm vui nỗi khổ. Ngài bị quân La Mã bỏ tù, bị bệnh tật, và chán nản. Phaolô nói lên tình yêu say mê đối với Đức Giêsu, và ý nghĩa cuộc đời.

Thư 1 và 2 gửi giáo đoàn Thêxalônica

Phaolô đến Thêxalônica cũng trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ II. Sau khi giã từ Philípphê, Phaolô đi đến thành Thêxalônica. Từ Philípphê về Thêxalônica cách nhau khoảng 150 cây số. Phaolô, Silas và Timôthê đi bộ cần mất sáu bảy ngày đường. Trên đường, họ ghé qua Amphipolis và Apollonia (Cv 17) nhưng không thấy có công tác rao giảng gì.

Thành Thêxalônica hiện nay là thành phố lớn thứ nhì của Hy Lạp có tên Salonique, được ông Cassandre thành lập vào năm 315

trước Chúa Giáng sinh và mang tên bà vợ ông. Bà cũng còn là anh chị em cùng cha khác mẹ với hoàng đế Alexandre Cả. Thời Phaolô đến rao giảng, Thêxalônica là thủ đô miền Makêdônia đang trên đà phát triển, nằm trên tuyến đường thương mại nên có người Do Thái đến kiều cư. Tại đây có một cộng đoàn Do Thái kiều cư đông đảo, nên Phaolô bắt đầu giảng thuyết trong ba ngày Sabát tại các hội đường, và thường bị đuổi đi. Phaolô rất quyến luyến với cộng đoàn Thêxalônica và ngài đã để lại cho họ hai lá thư, và cũng là những lá thư đầu tiên Phaolô viết gửi cho một cộng đoàn.

Sách Công vụ chia sứ vụ Phaolô tại Thêxalônica làm 2 phần:

Phần đầu ghi lại việc thánh Phaolô rao giảng. Phaolô rao giảng tại hội đường và có người Do Thái cũng như người dân ngoại trở lại. Trong thư gửi tín hữu Thêxalônica, Phaolô có nói lại việc thành lập cộng đoàn, gồm cả những người thờ ngẫu tượng (ITx 1,9). Qua lá thư biết Phaolô ở lại đây khá lâu để thành lập cộng đoàn chứ không phải hai ba tuần lễ như sách Công vụ ghi. Phaolô còn cho biết cách tổ chức cộng đoàn (ITx 5,12-13). Và trong suốt khoảng thời gian này Phaolô còn đi làm để cộng đoàn khỏi phải bận tâm lo lắng (ITx 2,9): *“thưa anh em, hẳn anh em còn nhớ nỗi khó nhọc vất vả của chúng tôi: đêm ngày chúng tôi đã làm việc để khỏi thành gánh nặng cho bất cứ một người nào trong anh em, suốt thời gian chúng tôi loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa cho anh em”*.

Phần hai kể lại việc ngài gặp khó khăn và phải rời khỏi thành (Cv 17,5-9). Người Do Thái ghét Phaolô và muốn đuổi ngài đi. Họ nghĩ rằng Phaolô đang ở tại nhà ông Giason. Nhưng Phaolô không có ở đó và họ bắt ông Giason và những người trở lại đạo ra nhà chức trách với tội chứa chấp những kẻ gây rối loạn với hai tội: chống lại chiếu chỉ của hoàng đế và khăng định có một vua khác là

Giêsu. Cuối cùng ông Giason và những người theo ông được thả và phải nộp tiền ký quỹ.

Thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica

Chính tại thành Côrintô, Phaolô đã viết lá thư đầu tiên gửi anh em tín hữu Thêxalônica. Lá thư đầu tiên của Phaolô, cũng là văn bản Kitô giáo cũ nhất của toàn bản Tân ước. Tại sao Phaolô lại viết lá thư này? Sau khi rời Thêxalônica, Phaolô vẫn băn khoăn lo lắng và đã có ý định nhiều lần trở lại thăm họ. Tại sao Phaolô không bao giờ thực hiện được thì không rõ lắm, nhưng Phaolô cho rằng ngài bị satan ngăn trở (ITx 2,18): *“Bởi vậy, chúng tôi đã muốn tới thăm anh em, chính tôi, Phaolô, đã nhiều lần định đi, nhưng Satan đã cản trở chúng tôi”*. Lá thư được viết sau khi Phaolô gửi Timôthê về thăm lại cộng đoàn Thêxalônica, và nhận được báo cáo đó (ITx 3,6): *“giờ đây, sau khi thăm anh em, anh Timôthê đã trở lại với chúng tôi, và đưa tin mừng cho chúng tôi về lòng tin và lòng mến của anh em; anh ấy nói rằng anh em vẫn luôn luôn giữ kỷ niệm tốt về chúng tôi, và ao ước gặp lại chúng tôi, cũng như chúng tôi ao ước gặp lại anh em”*. Timôthê đã về lại Côrintô gặp Phaolô, vào khoảng thời điểm năm 51. Đức Giêsu bị đóng đinh vào năm 30, chỉ 20 năm sau đã có chứng từ thứ nhất của Kitô giáo ra đời.

Phaolô thiết lập cộng đoàn Thêxalônica vào năm 50, nhưng phải vội vàng bỏ ra đi vì bị người Do Thái thù nghịch. Khi nhận được nhiều tin tốt hơn về cộng đoàn, vào đầu năm sau, ngài viết một thư trả lời một số vấn đề, đặc biệt về “Chúa lại đến”. Theo phong tục cổ, ngài bắt đầu bằng ghi địa chỉ và lời tạ ơn (ITx 1,1-5): *“Tôi là Phaolô cùng với các ông Sinvanô và Timôthê, xin gửi lời thăm Giáo hội (những người) Thêxalônica, đang ở trong Thiên Chúa và Chúa Giêsu Kitô. Xin chúc anh chị em được ơn phúc và*

bình an. Chúng tôi luôn luôn cảm tạ Thiên Chúa thay cho anh chị em, và chúng tôi hằng nhớ đến anh chị em trong khi đọc kinh cầu nguyện. Trước mặt Thiên Chúa là Cha chúng ta, chúng tôi không quên được các việc anh chị em đã làm vì lòng tin, những hy sinh anh chị em đã chịu bởi có lòng bác ái và chí khí của anh chị em, bởi có lòng trông cậy vững vàng nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta. Thừa anh chị em thân yêu của Chúa! Chúng tôi tin chắc Chúa đã chọn anh chị em. Vì chúng tôi đã rao giảng Tin Mừng cho anh chị em không phải chỉ bằng lời nói thôi mà còn kèm theo các phép lạ, các ơn Chúa Thánh Thần”.

Trong Tân ước thấy có thêm một lá thư đề thư thứ hai gửi tín hữu Thêxalônica, nhưng ngày nay, các nhà chú giải đều cho thư thứ hai do một môn đệ của Phaolô viết ra. Hai thư được viết từ Côrintô năm 50-51 là những văn bản đầu tiên của Tân ước. Thư cho biết Hội Thánh trẻ trung ra đời ngay trên vùng đất lương dân. Một cộng đồng nhỏ bé trong thành phố rộng mênh mông với 300.000 dân cư. Ở đó lòng phấn khởi và niềm tin hết sức mới mẻ, niềm hy vọng hơi bị chao đảo, lòng yêu mến nhiệt tình nhờ việc loan truyền về Đức Giêsu Kitô.

Trong thư, Phaolô còn đề cập đến vấn đề cánh chung hay suy tư về ngày thế mạt. Ngày Đức Kitô quang lâm đã gần bên rồi. Một số người Thêxalônica mới kết luận cần gì làm việc nữa? Phaolô như những Kitô hữu khác phải mất thời gian chấp nhận hạn định trước ngày quang lâm là thời Hội Thánh và thời gian này có thể sẽ còn kéo dài! Niềm hy vọng cánh chung không làm phục viên được người tín hữu. Họ sống như có cõi vĩnh cửu trước mình, dù biết Chúa gần bên rồi. Hỏi xem ngày thế mạt như thế nào vô ích, vì chỉ cần biết sau khi chết, *chúng ta hằng ở với Chúa luôn mãi (1Tx 4,17)*. Để gọi việc Chúa đến, Phaolô sử dụng việc tỏ lộ rất quen

thuộc với dân Thêxalônica. Sự quang lâm = Parousie, (từ Hy Lạp =đi vào) của Hoàng đế Khải hoàn vào thành.

Người ta cũng thấy qua những thư một phác thảo suy tư đầu tiên về Thừa tác vụ Tông đồ cốt yếu là giảng Lời Chúa. Sứ vụ đòi dạn dĩ và trung thành biểu lộ qua hai dấu chỉ chân chính và vô vị lợi. Phaolô triển khai dài hơn hai đề tài này trong hai thư gửi giáo đoàn Côrintô.

Thư gửi giáo đoàn Côrintô

Giữa năm 53-58, Phaolô lưu lại ở Êphêxô ba năm, và đã viết nhiều thư cho giáo đoàn Côrintô, Galát. Vào mùa đông năm 57-58 Phaolô ở Côrintô và viết cho giáo đoàn Rôma. Một vấn đề lúc ấy hằng ám ảnh ngài: “được Đức Giêsu Kitô cứu rỗi” có nghĩa gì? Phaolô nghiên cứu sâu xa vai trò Đức Kitô trong lịch sử ơn cứu độ ngay giữa lòng cộng đoàn những người tin, nơi Người hiện diện bằng lời, bằng các nhiệm tích, bằng cuộc sống biến thành lễ dâng.

Đức Kitô trong lịch sử ơn cứu độ: Phaolô, người Do Thái Phariseu, tưởng đã tìm được ơn cứu độ bằng việc tuân giữ, thực thi Lễ Luật cho dù có thánh thiện vì được Thiên Chúa trao ban, cũng bị lên án trong Đức Giêsu Kitô. Để gắng hiểu, Phaolô tìm đọc lại lịch sử theo cách của ông. Trước thời Môsê, Thiên Chúa đơn phương ký kết Giao ước với Ápraham: Một mình Chúa cam kết không có điều kiện nào về phía con người (*St 15*). Nếu Thiên Chúa công bình, trung tín phải ban cho Ápraham và con cháu ông được hạnh phúc, bất kể thái độ của chúng thế nào. Nhưng dân đã sống không đúng, và bấy giờ Chúa mới ban cho họ tại núi Sinai một Giao ước song phương. Người cam kết cho họ được hạnh phúc, với điều kiện dân phải tôn trọng giới răn (*Xh 19-20*).

Thiên Chúa ban Lê Luật. Lê Luật ví như thứ hàng rào chắn, vì dân không có thể vâng phục Chúa, vì tình yêu, nên sẽ phải vâng phục vì Lê Luật. Thiên Chúa đối xử với dân như cha con, nên không có giao kèo giữa đôi bên: Cha tín nhiệm con, con vì yêu mà vâng phục cha; nhưng tình yêu gần như không còn nữa, nên cha đã phải dùng bàn tay sắt giữ con, ra Lê Luật cho nó, cho tới khi nó được những tâm tình tốt hơn. Bởi vậy Luật ban ra để giữ dân trong tình yêu Thiên Chúa. Luật coi là Thánh, bởi vì được xuất phát từ Thiên Chúa.

Nhưng trên thực tế, Luật lại tăng thêm tội, vì Luật bảo phải làm những điều nhưng lại không cho sức mạnh để hoàn thành. Thành ra có Luật và dân đã sai phạm với ý thức đầy đủ. Và Thiên Chúa lâm vào ngõ bí vì công bình, trung tín với Giao Ước lập với Ápraham. Thiên Chúa phải ban hạnh phúc, công bình theo giao ước ở Sinai, nhưng rồi Người phải để cho dân đi tới chỗ chết xứng với hành vi của họ...!

Rồi Thiên Chúa có một giải pháp tình yêu. Vì tới cùng đường do Lê Luật vạch ra có sự chết; chính Chúa đã chịu cái chết đó nơi Con của Người; cái chết của Đức Kitô cũng là cái chết của mọi người có tội ở trong Người. Như vậy Thiên Chúa vẫn trung tín với Giao ước Sinai. Người mở cửa sự chết hướng ra sự sống. Nơi Đức Kitô phục sinh, mọi người có thể tới sự sống và hạnh phúc. Thiên Chúa vẫn trung tín với lời đã hứa với Ápraham.

Điều quan trọng đối với con người phải ở trong Đức Kitô, kết hợp với Người bằng đức tin và phép rửa, người tín hữu cùng với Đức Kitô vượt qua từ cõi chết tới cõi sống tìm thấy ơn cứu độ, không phải nơi việc mình làm, nhưng trong Đức Kitô. Đối với tín

hữu, Lê Luật đã lỗi thời, cho nên điều duy nhất đáng kể là được tái tạo trong Đức Kitô, để cho Thần Khí thúc đẩy.

Thành phố Côrintô khi Phaolô đến là một kinh thành vừa được tân trang vào năm 44 bởi hoàng đế Jules César. Một thành phố thương mại và giàu có nên có nhiều di dân sắc tộc khác nhau. Họ đến đây để hưởng thụ và làm giàu nên có nhiều xấu xa và buôn bán bất chính. Tại đây Phaolô gặp lại các Kitô hữu từ Rôma chạy qua trốn cuộc bách hại của Claudius (Cv 18,2). Trong số đó có hai vợ chồng ông Aquila và bà Priscila cùng chung vốn với Phaolô làm ăn trong nghề dệt, nhưng họ vẫn giữ thời giờ dành cho công việc rao giảng Tin mừng. Phaolô thành lập cộng đoàn Côrintô và lưu lại đó một năm rưỡi cùng với ông Silas và Timôthê. Người Do Thái kết án thực hành phụng tự bất hợp pháp, nhưng thống đốc Gallion không xét xử (Cv 18,12-16).

Về hoạt động tông đồ, sách Công vụ cho biết mỗi ngày Sabát Phaolô rao giảng tại hội đường thuyết phục người Do Thái và Hy Lạp. Khi gặp người Do Thái chống đối, Phaolô rũ áo như một hành vi cắt đứt với người Do Thái để đi vào dân ngoại: *“máu các ngươi cứ đổ xuống trên đầu các ngươi! Phần tôi, tôi vô can; từ nay trở đi tôi sẽ đến với người ngoại”* (Cv 18,6). Sau đó Phaolô về ở nhà ông Justus, một người có cảm tình với Do Thái giáo, nhà ở sát bên hội đường. Trong thư 1 Côrintô 1,14 Phaolô có nhắc lại chuyện này.

Về cộng đoàn tín hữu Côrintô, chính Phaolô cũng cho chúng ta biết như sau: *“anh em thử nghĩ lại xem: khi anh em được Chúa kêu gọi, thì trong anh em đâu có mấy kẻ khôn ngoan trước mặt người đời, đâu có mấy người quyền thế, mấy người quý phái. Song những gì thế gian cho là điên dại thì Thiên Chúa đã chọn để hạ*

nhục những kẻ khôn ngoan, và những gì thế gian cho là yếu kém, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ hùng mạnh; những gì thế gian cho là hèn mạt không đáng kể, là không có, thì Thiên Chúa đã chọn để hủy diệt những gì hiện có, hầu không một phàm nhân nào dám tự phụ trước mặt Người” (1Cr 1,26-29). Đằng sau lời hùng biện cho ta biết được xã hội Côrintô thời bấy giờ. Trong cộng đoàn Côrintô có những người được coi “*khôn ngoan*”, “*quyền thế*”, “*hùng mạnh, quý phái*”. Trong số tín hữu Côrintô hẳn có những người giàu sang và có học thức. Theo thư gửi Rôma 16, 23 chúng ta biết có ông Eraste làm quản lý thành phố. Ông Crispus trưởng hội đường, người phải bảo trì hội đường và lo xếp đặt cho việc phụng tự.

Trong thư 1Côrintô 11,17-22.33-34 đoạn nói về bữa tiệc của Chúa, Phaolô cho thấy có sự chia cách giữa người giàu và người nghèo trong cộng đoàn. Người giàu đóng góp nhiều hơn, nên đã ăn trước và lấy hết món ngon trước, còn kẻ nghèo không đóng góp thì bị bỏ đói. Trước hoàn cảnh đó, Phaolô đã đặt câu hỏi rõ rệt với thành phần giàu có: “*anh em không có nhà để ăn uống sao, hay anh em khinh dể Hội Thánh của Thiên Chúa và làm nhục những người không có của*”.

Thư thứ 1 gửi giáo đoàn Côrintô

Phaolô đã viết thư thứ nhất và thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô trong khoảng thời gian ở Êphêxô. Như đã nói qua, Phaolô đến Côrintô thuộc miền nam Hy Lạp sau khi rời khỏi thành Thêxalônica. Côrintô là một hải cảng náo nhiệt, một thành phố quốc tế gồm chừng 600.000 dân, trong đó 2/3 thuộc thành phần nô lệ. Từ đó có một danh ngôn ra đời: “*sống theo lối Côrintô*” có nghĩa sống theo tập tục phóng khoáng. Trong vòng 18 tháng ở đó,

Phaolô thiết lập một cộng đoàn, phần lớn gồm những người nghèo, nô lệ và thợ thuyền, chỉ một vài người giàu có hay thuộc hạng hào kiệt. Dĩ nhiên một cộng đoàn sốt sắng, nhưng chóng bị tàn phá bởi các đảng phái, bởi những gương xấu, những hỗn loạn trong việc phụng tự do các tập quán ngoại giáo còn quá mới mẻ hoành hành, cũng như do một số giáo thuyết thiêng liêng gây ra. Phaolô cố gắng can thiệp từng lần một, trong đó có Thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô.

Trong thư, thầy thánh Phaolô đang khai triển về vấn đề phụng tự, huấn dụ mỗi một người nên đặt những hồng ân riêng biệt của mình vào việc phục vụ tha nhân trong niềm kính trọng lẫn nhau. Phaolô ngừng lại kể ra bài ca vịnh tình yêu huynh đệ, có lẽ được thích ứng từ một truyền thống dân gian với mục đích tha thiết yêu cầu anh em chia rẽ hãy đoàn kết lại. (1Cr 13,1-13): *“Dù tôi nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần, nếu tôi không có đức bác ái thì tôi chỉ là người khua chuông gõ trống... Dù tôi phân phát mọi của cải tôi cho người nghèo khó, dù tôi hiến thân tôi cho lửa thiêu đốt... nếu tôi không có đức bác ái, thì những hy sinh ấy cũng thành vô ích. Người có đức bác ái thì nhẫn nại, nhân từ, không ghen tị, không khoe khoang, không kiêu kỳ, không tham lam, không tìm tư lợi... Khi tôi còn nhỏ, tôi nói như trẻ em, suy nghĩ như trẻ em, lý luận như trẻ em. Nhưng khi tôi khôn lớn thì tôi từ bỏ những hành vi cử chỉ của trẻ con. Bây giờ chúng ta xem thấy lờ mờ như trong gương, mai sau ta sẽ được xem thấy nhãn tiền... (được mặt giáp mặt). Bây giờ đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến”.*

Từ đó mối tương quan giữa Phaolô và người Côrintô giảm đi cách nhanh chóng, đến nỗi những người rao giảng Do Thái

giáo không ngần ngại, trong hoàn cảnh lộn xộn đưa ra những biện pháp cứng rắn. Phaolô lại viết nhiều bức thư khác, giao phó cho Timôthê và Titô; những bức thư ấy được thu thập lại trong thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô.

Bị tấn công bởi những thù địch nghi ngờ về quyền bính tông đồ, Phaolô cho thấy ngài có thể kể ra những thị kiến và mạc khải mà Chúa đã ban. Tuy nhiên để không tự kiêu, Chúa bắt ngài phải chịu khổ hình thân xác, một thử thách không ngừng. Lúc đó ngài viết: *“Ba lần tôi xin Chúa cho tôi thoát khỏi cái khổ cực ấy. Song Chúa phán bảo tôi: Ôn Ta đủ cho ngươi. Quyền năng Ta được sáng tỏ trong yếu đuối”. Bởi vậy tôi rất vui mừng và tự hào sự yếu hèn của tôi, để sức mạnh của Chúa Kitô được ở mãi trong tôi...*” (2Cr 12,8-9).

Thư gửi Côrintô kết án sự chia rẽ trong cộng đoàn. Ông Titô đến dàn xếp nhưng cũng thất bại. Phaolô liền đi đến thăm chớp nhoáng và cố dàn xếp, nhưng đã để lại trong ngài nhiều ngậm ngùi (2Cr 2,1). Ngài viết thư trong nước mắt (2Cr 2,3).

Thư thứ 2 gửi giáo đoàn Côrintô

Mối quan hệ giữa Phaolô với cộng đoàn tín hữu thường gặp sóng gió về quyền bính và đằng sau là niềm tin đích thực bị tố cáo. Trong thư Phaolô tự biện hộ và thêm một phần rất lớn dành cho Thừa Tác Vụ Tông Đồ theo quan điểm của ngài (1,11-17). Phaolô cảm thấy có một trách nhiệm đáng sợ: Vì khi trình bày Lời Chúa, ngài biết đưa thánh giả tới việc lựa chọn hoặc chống lại Đức Kitô (2,14-4,44). Trong đoạn Phaolô chứng tỏ người Kitô hữu nhờ Đức Giêsu biết đọc Kinh Thánh theo một cách mới, rồi hiểu được ý nghĩa thực của Kinh Thánh xem ra hơi phức tạp; nhưng ở đó khám

phá thấy ít nhất một lời xác định: Kitô hữu nào tiếp nhận Đức Kitô, được biến đổi nhờ vinh quang Chúa, vinh quang hằng rạng rỡ trên khuôn mặt Đức Giê-su và người đó tỏa sáng ra để soi dẫn anh em mình (3,5-4,6).

Trong Đức Giê-su chết vì tội lỗi chúng ta, Đấng Thiên Chúa coi như hiện thân (5,21), Thiên Chúa đã giải hòa chúng ta với Người: Vì trong Đức Kitô, từ nay chúng ta nên một tạo vật mới (5,11-21).

Đoạn 11,6–12,10 nêu những nỗi đau khổ Phaolô đã chịu, và những ân huệ được hưởng. Câu 13,13 là Lời chúc tụng, và Phụng vụ Công giáo hôm nay vẫn dùng làm lời vị chủ tế chào đầu Thánh lễ. Một bằng chứng đầu tiên về niềm tin vào Chúa Ba Ngôi.

Thư gửi giáo đoàn Galát

Sách Công vụ (16,6-8) cho biết Phaolô đã bỏ đoạn đường chính phải đi, và quẹo đi qua miền Phrygie và Galát. Ngoài việc nêu lên ở đoạn này về thành Galát, trong sách Công vụ không có đoạn nào khác nói về việc rao giảng Tin mừng cho dân Galát. Nhưng chỉ thấy ở một đoạn sau 18,23 khi Phaolô bắt đầu hành trình thứ ba. Công vụ ghi “ông lần lượt qua miền Galát, và Phrygie và làm cho tất cả các môn đệ được vững mạnh”. Việc này đúng như những gì Phaolô đã viết trong thư gửi Galát 4,13-14 khi ngài gọi lại việc thành lập cộng đoàn tín hữu Galát: “*anh em biết, nhân khi thân xác bị đau ốm, tôi đã loan báo Tin Mừng cho anh em lần đầu tiên. Mặc dù thân xác tôi là một dịp thử thách cho anh em, anh em đã không khinh, không tòm; trái lại anh em đã tiếp đón tôi như một sứ giả của Thiên Chúa, như Đức Giê-su Kitô*”.

4.1. Thư gửi Galát trình bày như một lá thư luân lưu gửi cho các “giáo hội tại miền Galát” (1,2). Bình thường, Phaolô gửi thư cho giáo hội Thiên Chúa tại một thành phố nào đó như các thành Côrintô, Thêxalônica, Côlôxê... Ở đây, tác giả chỉ nói tới miền Galát chứ không nêu rõ thành phố nào của miền Galát. Điểm đưa các nhà chuyên môn nghĩ rằng tại miền Galát có những tiểu cộng đồng sống rải rác nhưng có mối liên hệ với nhau. Vào thời đó, miền Galát bao gồm vương quốc ở miền bắc thường gọi Galát. Dân cư thuộc gốc người Galát tinh ròng, ngoài ra còn có dãy đất ở phía miền Nam với Pisidie, Pamphylie và Lycaonie được sát nhập vào miền Galát về phương diện hoàn toàn hành chính.

Vì thế câu hỏi đặt ra lá thư thánh Phaolô gửi cho dân Galát ở miền bắc hay dân Galát thuộc miền nam. Một số ít nhà chú giải cho lá thư được viết gửi các giáo đoàn Galát ở miền nam, với lý do Phaolô viết cho những người mà ngài có dịp đến rao giảng trong cuộc hành trình truyền giáo lần thứ nhất: Pisidie (Antiôchia), Pamphylie, Lycaonie (Iconium, Lystres và Derbé). Theo giả thuyết, thư gửi Galát coi như được biên soạn khoảng năm 48-49. Ngược lại, hầu hết các nhà chú giải cho lá thư được viết gửi cho các giáo đoàn ở miền bắc Galát. Họ dựa vào ý đến từ sự gần gũi về nội dung cũng như hình thức giữa thư gửi Galát và thư gửi Rôma. Có tất cả 28 đoạn đối chiếu giống nhau giữa hai thư (*Gl* 2,6 = *Rm* 2,11... 6,5 = 4,12) Điều cho biết hai lá thư được biên soạn vào những năm rất gần nhau. Theo đó, thư gửi Galát được biên soạn vào khoảng năm 56-57.

Lý do viết thư. Trong sách Công vụ, Luca ghi sau biến cố với nhóm thợ bạc ở Êphêxô, Phaolô lên đường đi Makêđônia (*Cv* 20,1), và khi lưu lại đây, ngài viết thư gửi tín hữu Galát xác nhận

phẩm chất tông đồ. Lý do chẳng bao lâu, trên miền cao nguyên Galát, một cơn khủng hoảng xuất hiện đến từ những người Do Thái. Ít lâu sau khi Phaolô ra đi, họ đã tìm cách lôi kéo cộng đoàn mới trở về việc giữ luật cách nghiêm ngặt, chịu phép cắt bì và giữ luật lệ về vấn đề ăn uống. Trước kia họ thuộc lương dân, nay đeo vào mình chiếc gông Luật Do Thái. Hẳn họ tưởng làm thế là đúng, nhưng Phaolô cảm thấy có nguy cơ: Nếu còn phải thêm điều nào (ở đây là tập tục Do Thái) vào niềm tin Kitô giáo, đó là dấu chỉ cho thấy việc tin vào Đức Kitô không đủ để cứu độ chúng ta. Khi nghe biết điều đó, Phaolô lập tức viết bức thư gửi người Galát trả lời cách hùng mạnh và hăng say như đoạn đầu sau đây (Gl 1,6-8): *“Tôi rất ngỡ vì thấy anh chị em chóng bỏ Đấng đã gọi anh chị em lĩnh ơn phúc của Đức Kitô, mà theo một Tin Mừng khác. Không có Tin Mừng nào khác đâu, chẳng qua chỉ có mấy người quấy rối anh chị em, và muốn đánh đổ Tin Mừng Chúa Kitô thôi. Bởi vậy, dù ngay cả chúng tôi, dù một sứ thần nào từ trời xuống loan báo cho anh chị em một Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi đã loan báo cho anh chị em thì kẻ ấy là vô phúc”!*

Phaolô phân tích một cách say mê nhưng có phần hơi phức tạp. Tuy vậy, cuối cùng ngài cũng chỉ có một câu hỏi đặt ra cho các tín hữu: *“Anh em hãy nhớ lại anh em đã làm gì nhờ việc kết hợp với Đức Giêsu Kitô”*. Anh em còn trung tín với những điều cam kết khi chịu phép Rửa Tội không? Sau khi nhập đề một cách sống động, ba lần Phaolô bênh vực Tin mừng rao giảng.

- Tin mừng ngài trực tiếp nhận nơi Đức Kitô trên đường Đamát (1,11-2,21).

- Tin mừng chứa đựng cái gì? Đọc lại lịch sử dân Chúa, Phaolô cho thấy luật chỉ dạy cho biết đường đến với Đức Kitô. Giờ đây đạt

đến Người rồi, không còn cần tới luật nữa (3-4). Khi đọc các đoạn này, sẽ gặp những công thức tuyệt đẹp về niềm tin vào Đức Kitô (2,6.20), về Ápraham (3,6-14), về sự bình đẳng của mọi người trong Đức Giêsu Kitô (3,26-29), về tinh thần làm con (4,6-7).

- Tin mừng đưa tới tự do (5-6): Đối với Kitô hữu, không có giới răn nào, chỉ còn có Luật nội tâm - là Thánh Thần - Đáng ở trong tâm hồn mỗi tín hữu, nói cho họ biết phải làm gì. Trong Đức Kitô, anh em là một tạo vật mới, anh em hãy sống như những người tự do! (5)

Thư Galát là một bản văn quyết đấu. Trong thư, có nhiều đoạn tối nghĩa. Nhưng Phaolô say mê đem lại cho bức thư một luồng sinh khí phi thường. Lá thư cũng còn mang tính cách rất thời sự cho mọi thế hệ tín hữu, cảnh báo họ chống lại thói vụ hình thức tôn giáo, sa lầy lòng tin vào những lễ chế, lòng kiêu ngạo vào những công đức riêng, không mở lòng đón nhận những điều mới... Thư gửi Galát không đồng hóa vào một nền văn hóa, cơ chế nào cả. Men Tin mừng bẻ gãy mọi chủ nghĩa đặc thù đi đến phổ quát: *“không còn chuyện phân biệt Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô”* (3,28). Mấy tháng sau, Phaolô lại vận dụng những ý tưởng đó trong một văn bản bao quát hơn diễn đạt một trong những đỉnh cao tư tưởng của ngài qua thư gửi giáo đoàn Rôma.

Thư gửi giáo đoàn Rôma

Phaolô biên soạn gửi cho một giáo đoàn không do ngài thành lập, và cũng tự hỏi nguồn gốc khai sinh ra giáo đoàn tại Rôma. Dựa theo sách Công vụ các tông đồ 2,20, nhiều tác giả nghĩ rằng có những người Do Thái ở Rôma cũng có mặt tại Giêrusalem vào

dịp lễ Hiện xuống. Họ nghe ông Phêrô giảng và xin gia nhập Kitô giáo, và trở nên mào mông đưa Kitô giáo vào thủ đô đế quốc La Mã. Giáo đoàn Rôma khai sinh khoảng năm 30 và không do một tông đồ nào đến đó rao giảng.

Điều chắc chắn khi Phaolô viết lá thư, giáo đoàn Rôma đã là một cộng đoàn sống động “...trong khắp hoàn cầu ai ai cũng nói đến lòng tin của anh em” (1,8). Cộng đoàn bao gồm những Kitô hữu đến từ Do Thái giáo, cũng như những người thuộc gốc dân ngoại. Mỗi người mang sắc thái riêng biệt và khó lòng để chấp nhận nhau. Vì thế trong lá thư thấy Phaolô kêu gọi hiệp nhất và chấp nhận nhau.

Lúc khởi đầu, hẳn nhiên Kitô hữu đến từ Do Thái chiếm đa số trong cộng đoàn, tại vì Tin mừng được rao giảng cho người Do Thái và ở thế kỷ thứ nhất công nguyên, người Do Thái kiều cư tại Rôma rất đông. Theo Công vụ tông đồ 18,2 hoàng đế Claudius trục xuất mọi người Do Thái khỏi thành Rôma. Đó là năm 49. Trong một tiểu sử về hoàng đế Claudius, sử gia Suê-tôn ghi: “*Claudiô đã trục xuất những người Do Thái khỏi Rôma, vì họ bị ông Kitô (Chrestus) khích động, họ thường xuyên sống trong tình trạng náo loạn*” (Suê-tôn, Vie de Claude, XXV,4). Đoạn văn cho lý do trục xuất là vì ông *Chrestus* xúi giục gây rối. Theo Suê-tôn, dường như tác giả cho ông *Chrestus* đã sinh sống ở thành Rôma vào thời gian người Do Thái bị đuổi ra khỏi thành. Từ *Chrestus* ở đây ám chỉ Đức Kitô. Tin mừng rao giảng giữa cộng đoàn Do Thái tại Rôma hẳn có nhiều sôi động và giới quyền hành nhìn với cặp mắt ác cảm.

Trong Công vụ các tông đồ, Luca cũng có nói đến những giao động mạnh mẽ khi Phaolô đến rao giảng tại một số thành phố miền Tiểu Á hay bên Hy Lạp như tại Antiôkia ở Pisidie (13,50), Lystres

(14,19), Thêxalônica (17,5-8), Bêrê (17,13), Côrintô (18,12), Êphêxô (19,23...). Khi lệnh trục xuất được ban ra, một số người Do Thái cũng như Kitô hữu gốc Do Thái đã rời bỏ Rôma. Đó là năm 49. Ông Aquila và bà vợ Priscilla thuộc nhóm người bị trục xuất lần này. Họ là Kitô hữu và Phaolô đã gặp hai vợ chồng tại Côrintô (Cv 18,2). Nhưng lệnh trục xuất không tác hại gì đến Kitô hữu gốc dân ngoại và họ ở lại và hiển nhiên trở thành đa số trong giáo đoàn Rôma. Sau một thời gian ngắn dưới triều hoàng đế Neron năm 55, Kitô hữu gốc Do Thái trước đây đã bỏ thành đã về sinh sống lại tại Rôma.

Thư gửi Rôma được viết tại thành Côrintô (Hy Lạp) khi Phaolô ở lại đó trong vòng 3 tháng (Cv 20,2-3). Sau những ngày ở Côrintô, Phaolô cho cuộc hành trình truyền giáo lần thứ ba coi như chấm dứt, và Phaolô dự định sẽ đi về Giêrusalem (Rm 15,25) và “*nếu có thể thì sẽ có mặt ở Giêrusalem ngày lễ Ngũ Tuần*” (Cv 20,16). Phaolô liền vội vã lên đường và vào khoảng dịp lễ Vượt qua đã đi từ Makêđônیا đến Troas (Cv 20,6). Vì thế Phaolô ở Côrintô được các tác giả đặt vào năm 58. Tại Côrintô, Phaolô cư ngụ tại nhà ông Gaius (Rm 16,23), nơi cộng đoàn tụ họp. Tại Côrintô, Phaolô viết lá thư gửi giáo đoàn Philipphê. Giờ đây ngài soạn lá thư gửi giáo đoàn Rôma vào khoảng năm 58 và đưa cho bà Phêbê mang về Rôma. Đây là khoảng thời gian hoàng đế Néron (54-58) đang trị vì trên đế quốc. Tại Palestine cũng xuất hiện những nhóm chống quân La Mã được biết đến như toán người “dao găm”.

Thư Rôma được đề nghị nhiều cấu trúc, dưới đây chỉ là một dàn bài được đề nghị giúp chú ý tới một ít điểm chính của lá thư:

Trong phần giáo thuyết (1-11) Phaolô triển khai nguyên một ý dưới bốn dạng khác nhau:

- Với tư cách nhà thống kê, Phaolô đưa ra một bản nghiệm đoán: Mọi người Do Thái hay không Do Thái, đều có tội. Hết thấy đều cần được Đức Kitô cứu chữa (1,18-5,11).

- Với tư cách Tín hữu, Phaolô nghĩ khởi đầu từ chỗ ta là gì khi chưa chịu Phép Rửa, vì Phép Rửa nối kết ta với Đức Giêsu, Đấng đã chết và sống lại, với Đức Giêsu là Adam mới. Trong Người, chúng ta được tạo thành mới (5,12-7,8).

- Với tư cách nhà tâm lý học, Phaolô chỉ cho thấy con người tự thâm tâm đã bị phân chia giữa cái thiện muốn làm lại không làm, với cái ác không muốn làm mà lại làm (7,7-25). Thần Khí làm cho tín hữu thành thống nhất bằng cách giải hòa nó với Thiên Chúa, để có thể gọi Người là “Cha! Abba!” cùng với những người khác, cùng với vũ trụ (8).

- Với tư cách sử gia, Phaolô đọc lại lịch sử Ítraen thấy nổi khốn cùng khi họ từ khước Đức Kitô; Ngài loan báo ơn cứu độ của Đức Kitô vừa đúng lúc dân chúng nói sẽ nhận Đức Kitô là Đấng Thiên Sai (9-11). Trong phần luân lý (12-15) ngài đưa ra những kết luận niềm tin đó đối với đời sống Kitô Giáo hằng ngày.

NHỮNG THƯ ĐẾN TỪ TRUYỀN THỐNG PHAOLÔ

Những thư thuộc truyền thống Phaolô:

1. Ngục thư: Côlôxê, Êphêxô, và thư gửi Philêmon.
2. Thư mục vụ: 1 và 2 Timôthê, Titô.

➤ **Ngục thư: Côlôxê, Êphêxô, Philêmon**

Thành phố Côlôxê ở Phrygie, thuộc miền trung Tiểu á, trong thung lũng Lycus gần thành Laodicée (Cl 4,15), có đường thương mại lớn nối liền thành Êphêxô với miền Tiểu á. Sau này Côlôxê mất

dân ảnh hưởng, và thành Laodicée phát triển mạnh như sách Khải huyền có nói đến (3,14-22). Tại vùng này, hoàng đế Antiochus III, vào khoảng năm 210, để lại khoảng 2000 gia đình quân nhân gốc Do Thái canh giữ dân địa phương. Dân số Do Thái sống trong vùng tương đối đông, giải thích ảnh hưởng Do Thái giáo trong khắp miền và Kitô giáo chỉ phát triển bắt đầu từ năm 55 trở đi.

Thánh Phaolô chỉ đi qua miền Phrygie, và cũng không rao giảng cho cộng đoàn tại Côlôxê hay Laodicée. Khi ở lại thành Êphêxô khoảng gần ba năm (Cv 19), Phaolô lại có dịp giúp cho người dân Côlôxê và có ông Epaphras trở lại Kitô giáo (Cl 1,7); và chính ông Philêmôn trở thành thừa sai rao giảng Tin mừng ngay chính trên quê hương mình. Cộng đoàn Kitô hữu khai sinh được tụ họp tại nhà Philêmôn (Plm 5). Phaolô cũng viết một lá thư rất cảm động gửi Philêmôn xin chấp nhận lại người nô lệ tên Onésime trước đây đã trốn bỏ nhà chủ ra đi. Riêng ông Epaphras cố gắng hết sức trong việc linh hoạt cộng đoàn, nhưng cảm thấy không thể giải quyết được những vấn đề khó khăn, và Epaphras bỏ cộng đoàn và đi đến với Phaolô đang bị cầm tù (4,10). Phaolô liền trao lá thư cho Tychique (4,7-8) và Onésime (4,9) với một lá thư khác cho cộng đoàn tại Laodicée, nhưng lá thư này ngày nay đã bị thất lạc (4,16).

Giữa năm 58 và 63, Phaolô bị tù 4 năm tại Césarée, rồi tại Rôma. Phaolô có thời giờ suy niệm: thư Côlôxê đã tạo cơ hội cho tác giả đào sâu mầu nhiệm Kitô Giáo. Giáo đoàn Côlôxê bị cám dỗ xếp Đức Kitô ngang hàng với những quyền lực trên trời người ta đặt ra làm trung gian giữa Thiên Chúa và loài người. Phaolô tổng hợp tư tưởng, và đặt Đức Kitô vào trung tâm vũ trụ và Giáo hội. Phaolô diễn tả tư tưởng trên qua thư Côlôxê và Êphêxô do một môn đệ viết, và nơi tâm thư gửi Philêmôn.

❖ *Thư Côlôxê*

Nội dung lá thư: Thư Côlôxê chỉ có bốn chương và quảng diễn thần học rất vắn tắt. Theo thông lệ, thư có một cấu trúc giống như các thư Phaolô khác: lời chào và tạ ơn, khai triển tín lý, huấn dụ đạo đức và những tin tức cá nhân. Thư Côlôxê có sự khác biệt rõ ràng với các thư chính thức của Phaolô, vì thư mang nhiều hình thức văn chương; những khai triển về tín lý lại ngắn gọn, súc tích, được chen vào những lời huấn dụ cảnh cáo. Dựa trên những ý nêu trên, có thể thấy một bố cục cho thư Côlôxê như sau:

- a. Lời chào (1,1-2)
- b. Tạ ơn vì Tin Mừng tiến bộ (1,3-8)
- c. Lời cầu xin cho tín hữu Côlôxê tiến triển trong sự hiểu biết ý Thiên Chúa (1,9-11)
- d. Lời tạ ơn (1,12-14).
- e. Bài Ca Tụng Đức Kitô (1,15-20)
 - trường tử mọi loài thụ tạo (1,15-18a)
 - trường tử trong số những người từ cõi chết sống lại. (1,18b-20)
- f. Huấn dụ: Hãy đứng vững trong đức tin (1,21-23)
- g. Cuộc chiến đấu của vị tông đồ (1,24-2,5)
 - Phaolô vất vả phục vụ dân ngoại
 - Phaolô cầu nguyện cho tín hữu Côlôxê tiến triển trong sự hiểu biết Chúa Kitô
- h. Huấn dụ: Sống trung thành với Đức Kitô, vị thủ lãnh quyền năng (2,6-15)
 - bước trong Chúa Kitô (2,6-7)

- đề phòng chống lại triết lý (2,8-10)
- qua phép rửa, chúng ta thuộc về Chúa Kitô (2,11-13a)

Ca Vinh thập giá chiến thắng (2,13b-15)

- i. Cảnh cáo chống lại những thực hành mê tín (2,16-23)
- j. Kết luận: Nguyên lý đời sống mới: Kết hiệp với Chúa Kitô (3,1-4)
- k. Huấn dụ: Mặc lấy con người mới (2,5-11)
- l. Sống cộng đoàn trong tình thương và tạ ơn (3,12-17)
- m. Chỉ thị cho đời sống gia đình (3,18-4,1)
- n. Kết luận: Tinh thần tông đồ và lời chúc riêng (4,2-18)

Nhờ khám phá thấy Khôn Ngoan Thiên Chúa nơi Kinh Thánh, Phaolô xác định vị trí Đức Kitô đối với Thiên Chúa - Người là Chúa Con, có đầy đủ thiên tính - và đối với thế giới: nhờ Người và cho Người mọi sự được tác thành. Đời sống con người có được ý nghĩa mới, vì chẳng có gì thoát khỏi ảnh hưởng Đức Kitô. Do đó khi xây dựng một xã hội trần thế, cũng xây dựng Nước Chúa một cách mẫu nhiệm, và phải sống như những người đã sống lại với Đức Kitô (3,1-4).

❖ *Thư Êphêô*

Êphêô là một thành phố quan trọng của đế quốc La Mã với khoảng 225.000 dân số với trục giao thông nối liền đông phương và tây phương; một trục thương mại sầm uất, mang những kiến trúc đất tiền. Người ta biết có một nhà hát chứa được 24.000 người, và có đền thờ dâng thần Artémis nên qui tụ rất nhiều khách hành hương. (Êphêô ngày nay ở Thổ Nhĩ Kỳ, mang tên Selcuk).

Người ta không biết rõ cộng đoàn Kitô giáo Êphêô được thành lập bởi ai và vào năm nào. Theo sách Công vụ 18,19-20; 19,8-

10, Lucacho là do Phaolô; nhưng trước khi Phaolô đến Êphêxô, đã có ông Apollô đến rao giảng (Cv 19,24-27). Ông là người Do Thái sinh sống tại thành Alexandria (Cv 18,24). Khi Phaolô từ giả thành Côrintô, Apollô lại vừa đến đó ở. Apollô trở lại đạo khi gặp hai vợ chồng Priscilla và Aquilla, từ đó ông rao giảng và thành công mỹ mãn đến nỗi thu thập được một số môn đệ tìm theo học và nghe ông giảng (ICr 1,12; 3,4.31; 4,6; Cv 18,24.28). Rồi từ Côrintô, Apollô đi đến Êphêxô. Theo thư ICôrintô 16,12, Phaolô xác nhận mình cùng có mặt với Apollô tại Êphêxô, và Phaolô còn gọi ông là “người anh em”, chứng tỏ giữa hai người thân nhau và không có việc cạnh tranh. Điều không hẳn họ hoàn toàn đồng ý với nhau trong mọi điều, ví dụ khi Phaolô cố gắng thuyết phục Apollô rời Êphêxô về lại cộng đoàn Côrintô, Apollô không đồng ý, ông chần chờ và phải một thời gian sau mới chấp nhận (ICr 16,12). Tại Êphêxô, ngoài Apollô, Phaolô còn được sự giúp đỡ của cặp vợ chồng Priscilla và Aquilla. Họ giúp ngài ở Côrintô bằng cách cho tụ họp tại nhà (ICr 16,19). Thêm vào số này, Mariam (một phụ nữ Do Thái), và những người Phaolô gọi là bà con như vợ chồng Andronicus và Junia, và ông Herodion. Tổng cộng hết thấy 9 người đàn bà đã đóng vai trò quan trọng trong cộng đoàn. Điểm cũng đáng tan luận điều cho Phaolô là người bài phụ nữ. Ngoài ra, phần đông họ đến từ cuộc sống nô lệ, hoặc từ cuộc sống phóng túng được ơn trở lại.

Êphêxô trở thành trung tâm truyền giáo quan trọng thời các tông đồ. Phaolô ở lại đó hai năm rưỡi. Sau khi thất bại rao giảng đến từ người Do Thái, Phaolô đi rao giảng cho người Hy Lạp. Các ông thợ bạc tại Êphêxô gây rối loạn vì Phaolô rao giảng làm cho họ mất khách hàng, không còn bán được những ảnh tượng thần Artémis.

❖ *Thư Êphêxô thuộc văn bộ ngục thư*

Khung cảnh lịch sử giống như thư Côlôxê và Philêmon. Phaolô đang bị tù (*Ep* 3,1; 4,1; 6,20; *Plm* 9,10.13.27; *Cl* 4,3.10.18), và chung quanh có những người đồng liêu, ngài sai ông Tychique đi thi hành sứ mạng (*Cl* 4,7-8; *Ep* 6,21-22).

Tuy nhiên điều này cũng gây thắc mắc, vì mọi chi tiết về lịch sử, thư Êphêxô đều rất gần với thư Côlôxê (*Ep* 6,21-22). Hơn nữa Phaolô không quen biết người nhận thư (1,15): nên có thể không phải giáo đoàn Êphêxô, nơi Phaolô đã lưu trú lâu ngày. Ngoài ra, còn một số thủ bản không ghi từ Êphêxô (1,1).

Ngoài ra, thư Êphêxô và thư Côlôxê có nhiều nét giống nhau, ngay trong cả văn thể như: cách lập câu nặng nề, có nhiều từ đồng nghĩa, các bổ ngữ nối kết với nhau, những danh từ tương tự, những câu phân từ, ảnh hưởng các sách Khôn ngoan. Sau hết cần ghi những quảng diễn song song như: *Ep* 1,6-7 // *Cl* 1,13-14; *Ep* 1,13 // *Cl* 1,5; *Ep* 1,15-16 // *Cl* 1,3-4; *Ep* 2,1-5 // *Cl* 1,21; 2,13; 3,7; *Ep* 3,1-13 // *Cl* 1,24-29; *Ep* 4,15-16 // *Cl* 2,19; *Ep* 4,22-24 // *Cl* 3,9-10; *Ep* 5,6 // *Cl* 3,5-6; *Ep* 5,19-20 // *Cl* 3,16-17; *Ep* 5,21-6,9 // *Cl* 3,18-4,1; *Ep* 6,18-20 // *Cl* 4,2-4; *Ep* 6,21 // *Cl* 4,7.

Mối liên hệ giữa hai thư Êphêxô và Côlôxê còn là vấn đề tranh luận. Hiện nay giả thuyết được nhiều người chấp nhận coi hai thư này là hai sứ điệp do Phaolô gửi đi cùng lúc cho những giáo đoàn lân cận với nhau. Tác giả cảm hứng theo thư Côlôxê để soạn bức thư Êphêxô. Vì thế, thư Êphêxô trình bày giai đoạn chót của tư tưởng Phaolô. Đa số các nhà chú giải cho thư Êphêxô được viết ở Rôma. Phaolô đang bị giam trong tù muốn trở lại cho các cộng đoàn, dưới hình thức một lá thư chung, điều ngài suy tư về mầu nhiệm cứu độ và Giáo hội.

Thư Êphêxô đưa ra một hợp đề hài hòa về tư tưởng của Phaolô, và không có những khó khăn lớn. Nhiều đoạn rất hay như: Bài Ca uy nghiêm về kế hoạch Thiên Chúa quy tụ mọi sự nơi con của Người (1,3-14); Lời cầu nguyện được bén rễ trong tình yêu Đức Kitô (3,14-21); Tổ chức về Giáo hội (4,1-16); một Thánh vịnh xưa được trưng dẫn trong 5,14; Giáo hội là hiền thê Đức Kitô và cuộc hôn nhân (5,21-33).

✚ *Bố cục thư Êphêxô*

- a. Mở đầu (1,1-2)
- b. Lời chúc phúc cho việc ta được lựa chọn trong Đức Kitô (1,3-14)
- c. Lời mở đầu thư (1,15-23)
- d. Mặc khải mầu nhiệm (2-3)
 - từ cái chết tới cuộc sống trong Đức Kitô (2,1-10)
 - Đức Kitô, niềm hòa bình của chúng ta (2,11-22)
 - Phaolô, người phục vụ mầu nhiệm (3,1-13)
 - Lời cầu xin hiểu biết tình yêu Chúa Kitô (3,14-21)
- e. Huấn dụ cho đời sống Giáo hội (4-6)
 - Hiệp nhất Giáo hội và những thừa tác vụ khác biệt (4,1-16)
 - Những đòi hỏi cuộc sống Kitô hữu (4,17-5,20)
 - + Từ con người cũ đến con người mới (4,17-5,2)
 - + Từ tối tăm đến ánh sáng (5,3-20)
 - Gia đình sống đạo (5,21-6,9)
 - + hôn nhân và mầu nhiệm Chúa Kitô với Giáo hội (5,22-33)
 - + con cái với cha mẹ (6,1-4)

- + nô lệ với chủ
- + Cuộc chiến thiêng liêng (6,10-20)
- + Tin tức và lời chào cuối (6,21-24)

↳ *Hai hình ảnh về Giáo hội*

Phaolô sử dụng hai hình ảnh bổ túc cho nhau để trình bày Giáo hội và cả hai đều cần thiết. Hình ảnh thứ nhất coi Giáo hội là thân thể với Đức Kitô là Đầu, và nhận được nơi Người nguồn sống cho mình (1Cr 12,12). Cái lợi hình ảnh này nêu lên sự duy nhất giữa Giáo hội và Đức Kitô. Hình ảnh thứ hai với Giáo hội, là hiền thê Đức Kitô (Ep 5,23-25), mang lợi điểm cho thấy Giáo hội và Đức Kitô vẫn còn là hai. Giáo hội không thánh như Đức Kitô nhưng tình yêu Giáo hội không ngừng được khơi dậy nhờ tình yêu của Người.

❖ *Tâm thư gửi Philêmon*

Thư Philêmon ngắn nhất trong toàn bộ thánh thư Tân ước, nhưng vẫn giữ đủ hình thức thư từ quen dùng thời ấy. Một lá thư có tính cá nhân hơn cả, và được coi như lá thư duy nhất tự tay Phaolô viết từ đầu đến cuối (câu 19), hoặc ngài đọc cho một người viết. Các nhà chú giải không chắc đây chỉ là một lá “thư riêng”. Vì lá thư cũng gọi “*cho cộng đoàn họp tại nhà anh*” (Philêmon) (câu 2); (xem thêm 1Cr 16,19; Rm 16,5; Cl 4,15).

Xưa nay thư vẫn làm cho mọi người cảm động vì những tâm tình tế nhị diễn tả trong đó. Phaolô thận trọng không làm cho uy tín ngài đè nặng trên các người thân thiết hoặc trên các môn sinh. Phaolô kêu xin, gợi ý, chứ không bắt buộc.

Phaolô viết thư này tại Rôma hay tại Césarée. Dầu sao lá thư cũng đồng thời với thư Côlôxê. Phaolô khi ấy đang bị tù (Cl

4,3.10.18; *Plm* 9.10.13.18) và bên cạnh có những người quen biết (*Cl* 4,7-14; *Plm* 23-24). Người nhận thư có vai trò quan trọng trong giáo đoàn Côlôxê, dùng tài sản và ảnh hưởng giúp đỡ cộng đoàn (câu 5-7). Ông được Phaolô giúp trở lại, và Phaolô đã nhắc lại cho ông điều ấy (câu 19). Phaolô gọi ông “*cộng sự viên thân mến của chúng tôi*” (câu 1). Philêmôn còn được biết đến có hiện diện tại miền Phrygie, nơi có thành Côlôxê

Hoàn cảnh: Ônêsim làm nô lệ cho nhà ông Philêmôn đã bỏ nhà trốn đi, có lẽ sau khi làm điều chi lầm lỗi không rõ lắm, có thể đã đánh cắp (câu 18-19). Ônêsim gặp được Phaolô trong những hoàn cảnh nào không rõ, tại nơi Phaolô đang bị tù. Ônêsim ăn năn trở lại (câu 10), và trở nên con thiêng liêng của ngài, “đưa con tôi đã sinh ra trong cảnh xiềng xích” (câu 10). Trong thư gửi cho giáo đoàn Côlôxê, Phaolô gọi anh là người “*anh em trung thành quý mến*” (4,9). Tuy nhiên, nếu giữ mãi tình trạng này, sẽ có ngày bị khó xử: ông Philêmôn có thể nghi ngờ Phaolô tự tiện nhận giúp một tên nô lệ bỏ trốn, lại không báo tin cho ông biết. Ngoài ra, theo luật pháp hiện hành, giữ một tên nô lệ bỏ trốn, sẽ tòng phạm vào lỗi với quyền lợi tư nhân. Và chính Ônêsim cũng có thể bị bắt lại và trả về nhà chủ, rồi bị chủ phạt nặng nề. Vì thế, Phaolô quyết định gửi Ônêsim về với chủ với một lá thư, xin ông Philêmôn đón nhận tên nô lệ, chẳng những như “*một người anh em rất thân mến*” (câu 16), và hơn nữa, như đón nhận chính bản thân Phaolô (câu 17). Phaolô không xin ông giải phóng cho Ônêsim, nhưng chắc chắn ông Philêmôn còn làm hơn nữa (câu 21). Dù sao Phaolô ngờ ý rõ ràng mong Ônêsim, có được giải phóng hay không, sẽ được đến lại với ngài để giúp việc truyền bá Tin mừng. Lá thư mang bố cục như sau:

- a. Mở đầu và chào thăm (câu 1-3)
- b. Tạ ơn và ngợi khen (câu 4-7)
- c. Lời xin cho Ônêsim (câu 8-20)
- d. Chào và lời cầu chúc cuối (câu 21-25)

Thư gửi Philêmôn là một trong những thư có tính chất con người nhiều nhất. Trong đó, Phaolô bộc lộ con người mình. Qua lá thư, còn phỏng đoán được một Giáo hội sinh hoạt nơi thế giới ngoại giáo. Phaolô không đòi hỏi bãi bỏ tình trạng nô lệ, nhưng thực ra còn làm hơn thế nữa, vì một khi thiết lập sự bình đẳng và sống tình huynh đệ với nhau, chủ cũng như người nô lệ sẽ xóa bỏ tận gốc cơ chế xã hội đó.

➤ Các Thư Mục vụ: Timôthê và Titô và thư gửi Do Thái

❖ *Thư Mục vụ Timôthê và Titô*

Trong thư bộ Phaolô, hai thư Timôthê và thư Titô làm thành một khối đồng nhất về phương diện văn chương lẫn giáo lý. Hai thư được các nhà chú giải gọi “thư mục vụ”, vì nêu rõ đặc tính các chỉ thị gởi cho những vị đứng đầu các Giáo đoàn, và đều gởi cho những người đích danh.

↳ *Các người nhận thư*

Timôthê được biết đến từ sách Công vụ các tông đồ. Phaolô gặp Timôthê (Cv 16,1) ở thành Lystre, thuộc xứ Lycaonie. Timôthê thuộc thành phần tư sản Hy Lạp (Cv 16,1), dân ngoại, không chịu cắt bì ngày thứ tám theo luật Do Thái. Thân mẫu Eunike (2Tm 1,5) gốc Do Thái đã theo Kitô giáo (Cv 16,1) và bà ngoại tên Lois có đức tin “ngay thẳng” (2Tm 1,5) đã dạy ông Kinh thánh từ nhỏ (2Tm 3,15).

Timôthê còn tương đối trẻ khi bắt đầu cộng tác với Phaolô, vì khoảng chừng mười lăm năm sau, Phaolô còn viết cho ông: “*Chớ gì đừng có ai coi thường anh vì anh còn trẻ*” (1Tm 4,12; 5,1; 2Tm 2,22). Đáng vẻ nhút nhát và dè dặt (1Cr 16,10; 2Tm 1,8), sức khỏe mỏng giòn, nên ông hay bị yếu như lời Phaolô viết: “*Từ nay, anh đừng chỉ uống nguyên nước lã, hãy dùng chút rượu, vì anh đau dạ dày và ốm yếu luôn*” (1Tm 5,23). Muốn cho khỏi gặp khó khăn với nhóm Kitô hữu gốc Do Thái, Phaolô làm phép cắt bì cho ông (Cv 16,3), và sau đó Timôthê được các kỳ mục đặt tay cho (1Tm 4,14; 2Tm 1,6).

Phaolô gọi ông “*người anh em của chúng tôi, cộng sự viên của Thiên Chúa trong việc giảng Tin Mừng Đức Kitô*” (1Tx 3,2). Ngài thường đem ông đi theo trong các cuộc hành trình truyền giáo (Cv 17,14-15; 18,5; 20,4; 2Cr 1,19). Ta gặp ông Timôthê bên cạnh Phaolô khi ngài viết hai lá thư gửi giáo đoàn Thêxalônica (1Tx 1,1; 2Tx 1,1); 2Côrintô 1,1; thư Rôma 16,21; thư Philipphê 1,1; thư Côlôxê 1,1; thư Philêmôn 1. Phaolô cũng trao cho ông nhiều sứ mạng riêng tại Makêđonia (Cv 19,22), đặc biệt đối với người Thêxalônica luôn lo âu về ngày quang lâm, hầu “*giúp anh em vững mạnh, và khích lệ đức tin của anh em*” (1Tx 3,2.6). Ngài còn sai ông đến với người Côrintô, hầu nhắc lại cho họ nhớ những qui tắc về cách ăn nết ở trong Đức Kitô đúng như lời ngài giảng dạy khắp nơi, trong mọi Giáo đoàn (1Cr 4,17; 16,10). Những điều trên cho thấy sự cộng tác giữa Phaolô và Timôthê trong việc truyền giáo rất chặt chẽ. Tình nghĩa Phaolô đối với Timôthê cũng trung kiên. Khi vào cuối đời, Phaolô còn ao ước gặp lại Timôthê một lần chót (2Tm 4,9-21).

Ông Titô: Tài liệu về Titô rất hiếm, Luca không nhắc đến tên ông bao giờ trong sách Công vụ. Ông thuộc gia đình Hy Lạp, ngoại

giáo (Gl 2,3), trở lại nhờ Phaolô (Tt 1,4), được ngài đem theo dự công nghị Giêrusalem (Gl 2,1-3). Ông không bị phép cắt bì (Gl 2,3) như trường hợp Timôthê. Ông quyết liệt trong việc dàn xếp vụ Côrintô, xoay lại tình thế, làm cho Giáo đoàn ủng hộ Phaolô (2Cr 7,7) và biết cách làm cho người Côrintô yêu mến mình. Khi viết thư cho họ, Phaolô khen: “*Anh ấy đã cho chúng tôi biết là anh em nóng lòng mong đợi, buồn phiền, nhưng vẫn đầy nhiệt tình đối với tôi, khiến tôi càng vui mừng hơn nữa... Đó là điều an ủi chúng tôi... Lòng anh ấy càng tha thiết quý mến anh em, khi nhớ lại anh em đã vâng lời, đã kính sợ và run rẩy đón tiếp anh*”. (2Cr 7,7.13.15).

Phaolô quý trọng tài năng và lòng yêu mến của ông, đã ủy cho ông hoàn thành việc tổ chức các cộng đoàn kitô hữu tại đảo Crète (Tt 1,5). Theo 2 Timôthê 4,10 có lẽ ông đã ở với Phaolô một thời gian tại Rôma, khi ngài bị tù lần thứ hai, rồi ông thấy đi xứ Dalmatie.

✚ *Ngày tháng và nơi biên soạn:*
Thư Timôthê thứ nhất và thư Titô

Hai thư dùng một số dụng ngữ và bàn một số vấn đề như thư Timôthê thứ hai nên thuộc về cùng một thời kỳ. Các sự kiện có thể giúp xác định hơn về thời gian cũng thật mong manh. Theo 1 Timôthê 1,3 Phaolô thấy đi Makêđonia và để Timôthê lại Êphêxô điều khiển cộng đoàn.

Vi vậy ở đây có hai giả thuyết: Timôthê ở Êphêxô trong cuộc hành trình truyền giáo “thứ ba”, nhưng phải giải quyết vấn đề trong suốt thời kỳ đó, theo sách Công vụ, ông vẫn ở liền bên cạnh Phaolô. Đàng khác, những lầm lạc trong cộng đoàn đã được

Phaolô nhắc trong bài giảng từ biệt các kỳ mục (Cv 20,29), cho biết giáo đoàn Êphêxô đã được thiết lập trước đó một thời gian rồi. Giả thuyết thứ hai phủ nhận sử tính theo 1Timôthê, và chấp nhận giả thiết Phaolô, sau lần bị tù tại Rôma vào năm 63, đã tiếp tục công trình truyền giáo và biên soạn thư sau năm 63 và trước thư thứ hai Timôthê.

Giả thuyết thứ hai cũng có thể áp dụng cho thư gửi Titô. Theo Titô 1,5, Phaolô để Titô ở lại Crète, hầu tổ chức cho xong giáo đoàn ngài đã sáng lập tại đó. Phaolô viết thư cho ông trong một cuộc hành trình (Tt 3,12) và bảo ông đến với ngài tại Nicopolis để nghỉ vào mùa đông. Nếu các sự kiện đúng, hoạt động truyền giáo xảy ra vào những năm sau khi Phaolô được thư Timôthê thứ hai.

Thư Timôthê thứ hai được xem như lá thư sau cùng. Vì trong đó Phaolô viết: *“Tôi đã chạy hết chặng đường...”* (4,7). Nên có lẽ là viết ngay trước khi Thánh Phaolô qua đời. Thư 2 Timôthê xem như được biên soạn tại Rôma (1,17). Phaolô *“phải mang xiềng xích như một tên gian phi”* (2,9); ngài coi việc bị tù có tính cách ô nhục: hai lần xin Timôthê đừng xấu hổ vì ngài (1,8.12), nhưng nên bắt chước anh Onesiphore đã không xấu hổ vì ngài bị xiềng xích (1,16), lại còn *“sốt sáng”* kiếm tìm và gặp thấy ngài tại Rôma. Đàng khác Phaolô không ảo tưởng về kết cuộc vụ án, biết giờ khởi hành gần đến (4,6). Phaolô tự cảm thấy cô đơn: ông Demas *“vì yêu mến thế gian này”* nên đã bỏ ngài đi Thêxalônica, ông Crescens đi Galát, Titô lại đi Dalmatie (4,10). Chỉ còn một mình Luca ở lại với ngài. Phaolô xin Timôthê mau về với ngài (4,9), trước mùa đông (4,21).

Những thư mục vụ có thể do Phaolô viết, bằng không cũng mang rõ tư tưởng Phaolô do một môn đệ viết sau khi ngài qua đời.

Phần nào đó nói lên mối quan tâm Phaolô mang trong lòng vào lúc cuối đời: Giữ cho nguyên vẹn niềm tin nơi Đức Giêsu Kitô nhận được từ các Tông đồ. Qua các thư cũng đã thấy hình thành cơ cấu Giáo hội, với những thừa tác vụ khác nhau, có “Giám sự hay Giám quản = nguyên ngữ Hy Lạp *episcopos*, và sau này chức Giám mục và các Trợ tá hay Phó tế (*diakonos*). Cũng nhờ các thư ấy, được hiệp thông với lời ca ngợi Giáo hội, qua các bài thánh thi: *1Tm* 2,5-6; 3,16; 6,15-16; *2Tm* 2,8-13...

❖ *Nét Kitô học riêng biệt*

Thư mục vụ mang nét Kitô học khá khác biệt với các Ngục thư, vì không nói đến tình trạng tiền hiện hữu của Đức Kitô, vai trò sáng tạo của Người, cũng như danh hiệu “Người Con”. Ngược lại, tác giả khai triển chủ đề Đức Kitô làm “môi giới” qua công cuộc cứu chuộc (*1Tm* 2,5). Thư *2Timôthê* nhắc lại nguồn gốc Đavít (2,8) với tước hiệu “Kitô” qui chiếu vào sự chờ đợi thiên sai. Ngoài ra, còn có nhiều đoạn thư ảnh hưởng tư tưởng từ sách ngôn sứ Isaia 53 về người tội tớ đau khổ, để nhấn mạnh đến sự Đức Kitô dâng hiến con người mình cho việc cứu rỗi tội nhân (*1Tm* 1,15;2,6; *Tt* 2,14).